

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1 Tên chủ cơ sở:	6
1.2 Tên cơ sở:	6
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	8
1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở	8
1.3.2 Quy trình hoạt động tại cơ sở	8
1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:	10
1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
1.4.1 Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu	10
1.4.2 Nhu cầu nhiên liệu sử dụng	10
1.4.3 Nhu cầu sử dụng điện	10
1.4.4 Nhu cầu sử dụng nước	11
1.4.5 Nhu cầu xả nước thải	12
1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	12
1.5.1 Vị trí địa lý	12
1.5.2 Các hạng mục của cơ sở	16
1.5.3 Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	20
1.5.4 Các hạng mục về kết cấu hạ tầng của cơ sở	21
CHƯƠNG 2	21
2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	22
2.2 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
CHƯƠNG 3 KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	24
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa:	24
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải:	25
3.1.3 Hệ thống xử lý nước thải	28
3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	32
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	32
3.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt	32

3.3.2	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	34
3.4	Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có).	37
3.5	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	37
3.5.1	Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:	37
3.5.2	Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố tràn dầu	38
3.5.3	Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	43
3.5.4	Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố va đụng, chìm tàu tại khu vực cảng tiếp nhận	45
3.5.5	Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố mưa bão, sấm sét	45
3.6	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).....	45
3.6.1	Khí thải của máy phát điện.....	45
3.6.2	Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển.....	46
3.6.3	Mùi hôi từ khu vực khu vực tập kết chất thải rắn	46
3.6.4	Biện pháp giảm sự bay hơi từ xăng dầu.....	47
3.7	Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).....	49
CHƯƠNG 4		50
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG		50
4.1	Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	50
4.2	Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	50
4.3	Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	50
4.4	Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	51
CHƯƠNG 5 KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		53
5.1	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	53
5.2	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước biên ven bờ.....	54
5.3	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	56
CHƯƠNG 6 CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ		58
6.1	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	58
6.2	Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	58
6.3	Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	59
CHƯƠNG 7 KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....		60
CHƯƠNG 8 CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....		62
PHỤ LỤC BÁO CÁO		63

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 ⁰ C, 5 ngày
BXD	: Bộ Xây dựng
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CT	: Chủ tịch
CTR	: Chất thải rắn
CTNH	: Chất thải nguy hại
CP	: Cổ phần
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TT	: Thông tư
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban Nhân dân
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KHBVMT	: Kế hoạch bảo vệ môi trường
VSV	: Vi sinh vật
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
KPH	: Không phát hiện

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Sản phẩm của cơ sở	10
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở.....	11
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại cơ sở.....	11
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	12
Bảng 1.5: Bảng kê tọa độ địa lý ranh giới theo (VN 2000).....	13
Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở	17
Bảng 1.7: Các thông số cảng dầu 10.000 DWT	19
Bảng 3.1: Tọa độ, địa giới vị trí tiếp nhận nước mưa tại kho A và kho B	25
Bảng 3.2: Tọa độ, địa giới vị trí bể tự hoại 3 ngăn tại Kho A và B.....	28
Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của HTXLNT	31
Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn tại kho A và B.....	32
Bảng 3.5: Phân loại chất thải nguy hại tại cơ sở	34
Bảng 3.6: Các nội dung thay đổi so với quyết định đánh giá tác động môi trường đã được cấp	49
Bảng 5.1: Danh mục thông số quan trắc	53
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải năm 2022	53
Bảng 5.3: Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	54
Bảng 5.4: Danh mục thông số quan trắc	55
Bảng 5.5: Kết quả quan trắc nước biển ven bờ năm 2022	55
Bảng 5.6: Kết quả quan trắc nước biển ven bờ 2023	55
Bảng 6.1: Kinh phí quan trắc nước thải định kỳ	59
Bảng 7.1: Nội dung kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.....	60

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở.....	8
Hình 1.2: Sơ đồ thể hiện vị trí của Cơ sở.....	15
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở.....	24
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải nhiễm dầu của Cơ sở.....	26
Hình 3.3: Sơ đồ thu hồi nước thải từ bể bẫy dầu lên bể chứa A4, A5.....	27
Hình 3.4: Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt của Cơ sở.....	27
Hình 3.5: Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn trám đáy.....	28
Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở.....	29
Hình 3.7: Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt.....	34
Hình 3.8: Hồ phơi bùn thải nguy hại tại cơ sở.....	36

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH**
- Địa chỉ: 10B Nguyễn Thiện Thuật, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Dương Đình Long.
- Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.
- Điện thoại: 0258 3526171
- Mã số thuế: 4200240380
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 4200240380, cấp lần đầu ngày 16/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 09/10/2010 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.
- Quyết định số 509/XD-UB ngày 4/5/1989 về việc giao vùng bảo vệ cảng tiếp nhận xăng dầu cho Xí Nghiệp xăng dầu Phú Khánh.

1.2 Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **KHO XĂNG DẦU VĨNH NGUYÊN THUỘC CÔNG TY XĂNG DẦU PHÚ KHÁNH**
- Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Dương Đình Long.
- Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.
- Điện thoại: 02583.526.171. 0258 3590265
- Quy mô: kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên (Kho) có quy mô 30.475 m³ gắn liền với Bến phao Cảng dầu Mũi Chọt (Cảng), quy mô 10.000DWT.

KHO XĂNG DẦU VĨNH NGUYÊN

(Sau đây gọi tắt là “Cơ sở”)

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00016, cấp lần đầu ngày 26/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 04/05/2023 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được Sở Khoa học công nghệ tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 138/KHCN, ngày 13/8/1994 cho ĐTM kho Cảng

xăng dầu Vĩnh Nguyên.

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2152/QĐ-UB, ngày 08/11/1996 cho Dự án nâng cấp bến phao neo tàu dầu từ 5.500 DTW lên 10.000 DTW.

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2558/QĐ-UBND, ngày 07/10/2009 cho Dự án đầu tư xây dựng bổ sung sức chứa kho xăng dầu Vĩnh Nguyên.

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2154/QĐ-UBND, ngày 12/8/2011 cho Dự án mở rộng 6000m³ Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên.

- Quyết định số 406/QĐ-ĐKTBTW, ngày 30/12/1997 về việc công bố Cảng dầu Mũi Chụt Nha Trang.

Các giấy phép môi trường thành phần:

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) số 56.000301.T, cấp lần 4, ngày 28/2/2020.

- Giấy xác nhận số 4505/STNMT-CCBVMT ngày 08/12/2016 về việc xác nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường Kho Xăng dầu A,B – Công ty Xăng dầu Phú Khánh.

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2179/QĐUBND, ngày 16/8/2011.

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường Kho - Cảng Xăng dầu Vĩnh Nguyên đã được Công ty lập ngày Tháng 10/2022.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 64/ĐK-PCCC ngày 12/07/2011 cho Cảng dầu Mũi Chụt - Nha Trang.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 072/ĐK-PCCC ngày 27/06/2012 cho Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở đã được đầu tư xây dựng với tổng vốn là 94 tỷ đồng, dưới 1.000 tỷ nên phân loại thuộc nhóm B theo Khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2019.

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Do đó cơ sở thuộc phân loại nhóm II tại Mục số I.2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở

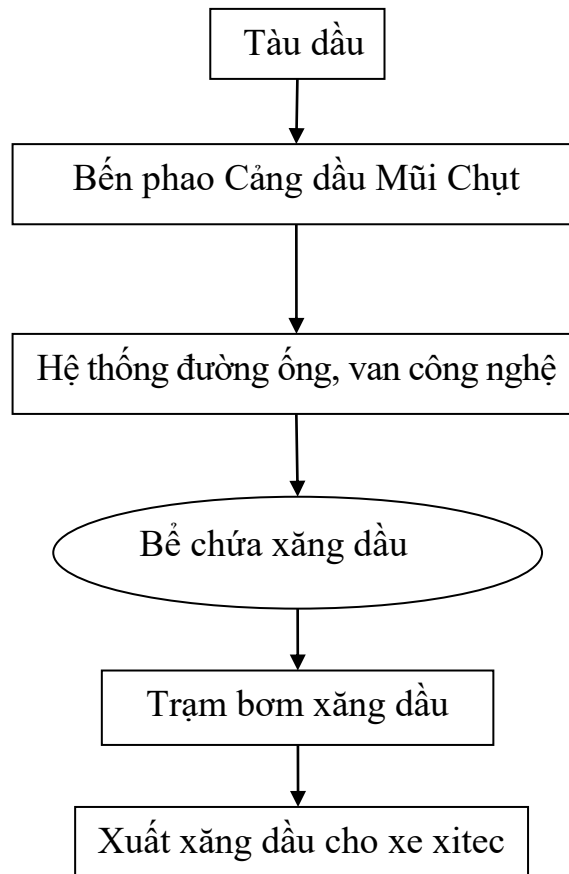
- Hoạt động chính của Kho – Cảng là nhập, xuất, tồn chứa bảo quản xăng dầu. Cụ thể: nhập xăng dầu tại Cảng vào Kho, xuất hàng ra xe xitec tại Kho. Trong đó, Cảng dầu Mũi Chụt – Nha Trang hàng năm tiếp nhận khoảng 100 chuyến tàu dầu các loại, khối lượng hàng hóa thông qua cảng khoảng 300.000 m³/năm.

- Kho có sức chứa: 30.475 m³ với Kho A là 9.150 m³, Kho B là 21.325 m³.

- Cán bộ công nhân viên đang công tác và làm việc tại cơ sở là 37 người.

1.3.2 Quy trình hoạt động tại cơ sở

❖ Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở



Hình 1.1: Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở

❖ Thuyết minh quy trình

➤ Quy trình nhập hàng

Xăng dầu được nhập về Kho từ tàu biển thông qua hệ thống bơm và đường ống dẫn từ

cảng tiếp nhận về các bể chứa của Kho A, Kho B; trung bình hàng tháng Kho Vĩnh Nguyên nhập khoảng 8 chuyến tàu (33.000 m³/tháng).

Hàng hóa được nhập vào bể qua hệ thống công nghệ nhập từ cảng dầu. Ống cao su chịu áp lực dẫn xăng dầu, đáp ứng các tiêu chuẩn dùng cho nhập xăng dầu bằng tàu biển, theo đường ống thép chịu áp lực, tiêu chuẩn 5L-GB, đường kính ống 219mm, 273mm đến cụm van phân phối, đường kính ống D159 phân chia vào từng bể.

Trước khi bơm xăng dầu về kho sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống van an toàn, tuyến ống, bể chứa. Trong khi bơm có công nhân trực tại cụm van phân phối để theo dõi và đóng mở van.

Hàng được nhập vào Kho theo các bước sau:

* **Bước 1:** Đo bể trước khi nhập: Đây là công đoạn nhằm xác định lượng chính xác lượng hàng còn lại được lưu trữ trong bể.

* **Bước 2:** Bơm hàng vào bể.

Hàng từ tàu chở nhiên liệu sẽ được bơm vào 1 đường ống trong hệ thống 3 đường ống dẫn từ cảng về Kho. Tại Kho nhiên liệu sẽ thông qua cụm van phân phối dẫn về các bể chứa nhiên liệu.

Sau khi hàng trên tàu chở nhiên liệu được bơm hết (khô sạch), tại bể chứa dựa vào phương tiện, thiết bị đo tính sẽ xác định hàng đã được bơm hết vào bể.

* **Bước 3:** Đo hàng sau khi nhập

Đo mức nhiên liệu sau khi nhập tại bể. Thực nhập = Sau nhập – Trước nhập.

➤ **Quy trình xuất hàng**

Hàng ngày, Kho cấp phát xăng dầu cho khách hàng từ giàn cấp phát lên các ô tô xitec (10-40 m³/ xe). Trung bình mỗi ngày Kho A là 30 xe, Kho B là 40 xe.

Quy trình xuất hàng được thực hiện theo các bước sau:

* **Bước 1:** Xe vào Kho

Xe bồn khi vào Kho được yêu cầu lái xe đậu đúng vị trí, đóng các van xả, kéo phanh tay, tắt máy và rời khỏi cabin.

Công nhân cấp hàng kẹp tiếp đất, kiểm tra chứng từ, barem, niêm chì cố định của cơ quan kiểm định cấp trước khi cấp hàng.

* **Bước 2:** Cấp hàng

Hàng hóa xuất từ bồn ra ô tô xitec qua hệ thống công nghệ xuất hàng khép kín.

Các van xuất hàng phải mở theo đúng qui định để đảm bảo lưu lượng xuất, không bị

sục khí đường ống và giảm thiểu sai số.

Cấp hàng từng ngăn độc lập, xóa số đồng hồ trước khi cấp vào xe khác.

Giàn cấp phát được lắp các thiết bị đồng bộ gồm ống thép chịu áp lực tiêu chuẩn 5L-GB; van chặn 1 chiều dùng cho xăng dầu chịu áp lực 10kg/cm²; lọc cặn, tách khí, lượng kế đo lường kiểm soát thể tích và họng xuất chuyên dụng cho ô tô citéc chống tia lửa khi va chạm, có van đóng nhanh để đóng ngắt và dùng khẩn cấp.

Riêng hệ thống xuất hàng của Kho A được tự động hóa: tự động đóng mở van, khởi động, ngắt động cơ điện theo số lượng đặt trước, dùng khẩn cấp (khi xảy ra sự cố) và ghi nhận số liệu.

Kết thúc quá trình cấp hàng ghi nhận số liệu hàng đã được cấp vào từng xe. Xe sau khi nhập hàng, ghi nhận số liệu hàng đã cấp sau đó sẽ được rời Kho.

1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:

Bảng 1.1: Sản phẩm của cơ sở

Sản lượng bình quân m ³ /năm	Xăng	Diesel	Tổng
	186.397	214.829	401.227

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Phú Khánh)

1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1 Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu

Hoạt động của cơ sở chủ yếu là lưu chứa và xuất bộ xăng dầu nên nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu Kho sử dụng tương ứng với sản phẩm của cơ sở ở bảng 1.1.

1.4.2 Nhu cầu nhiên liệu sử dụng

Dầu DO được sử dụng cho quá trình vận hành máy phát điện dự phòng trường hợp lưới điện Quốc gia gặp sự cố, lượng sử dụng khoảng 1.000 lít/năm.

Mỡ bôi trơn sử dụng để bôi trơn thiết bị, máy móc khoảng 10kg/năm.

1.4.3 Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện: Cơ sở sử dụng nguồn điện của lưới điện Quốc gia do Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa cung cấp trên địa bàn thành phố Nha Trang.

Nhu cầu sử dụng điện, cơ sở lấy số liệu từ hóa đơn tiền điện 6 tháng cuối năm 2023

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

Thời gian	Điện sử dụng Kho A (KWh)	Điện sử dụng Kho B (KWh)	Điện sử dụng Cảng (KWh)	Tổng kho Vĩnh Nguyên (KWh)
Tháng 07/2023	5.438	9.290	123	6.490
Tháng 08/2023	6.086	1.613	129	7.828
Tháng 09/2023	5.498	9.014	124	14.636
Tháng 10/2023	5.099	8.693	223	14.015
Tháng 11/2023	4.691	8.057	107	12.855
Tháng 12/2023	4.752	7.549	117	12.418
Trung bình	5.261	5.976	137	11.374

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng điện của Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên 6 tháng cuối năm 2023)

Ngoài ra, Cơ sở đã đầu tư trang bị 02 máy phát điện công suất 112 kVA (Kho A) và 250KVA (Kho B) (nhiên liệu sử dụng dầu DO) nhằm cấp điện năng phục vụ cho hoạt động của Cơ sở trong trường hợp mất điện hoặc lưới điện bị sự cố.

1.4.4 Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước: Nước máy từ hệ thống cấp nước sạch của Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa cung cấp, với nhu cầu sử dụng thực tế theo hóa đơn tiền nước 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại cơ sở

Stt	Thời gian	Nước sử dụng Kho A (m ³ /tháng)	Nước sử dụng Kho B (m ³ /tháng)	Tổng nhu cầu sử dụng tại cơ sở
1	07/2023	88	105	193
2	08/2023	139	122	261
3	09/2023	120	116	236
4	10/2023	127	115	242
5	11/2023	152	103	255
6	12/2023	90	111	201
Trung bình tháng		119	112	231
Trung bình ngày		4	3,7	7,7

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng nước của Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên 6 tháng cuối năm 2023)

Hoạt động tại Cảng dầu Mũi Chọt không sử dụng nước, không phát sinh nước thải, chất thải sinh hoạt, nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường.

Diễn giải nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng	Lượng nước sử dụng	Căn cứ
1	Nước dùng cho sinh hoạt 37 cán bộ, công nhân viên	37 x 80 lít/người/ngày	3	QCVN 01:2021/BXD
2	Nước rửa làm mát sân đường kho, tưới cây	-	4,7	Thực tế sử dụng
Tổng lượng nước sử dụng trong ngày tháng			7,7	

(Nguồn: Số liệu tính toán theo nhu cầu sử dụng thực tế tại 2 kho)

1.4.5 Nhu cầu xả nước thải

* Nguồn phát sinh nước thải nhiễm dầu

- Lượng nước đui đường ống nhập tàu: **60-80 m³/chuyến tàu** (theo Phương án nhập tàu)

- Lượng nước mưa 15 phút đầu trong các khu bể chảy ra: **10 m³/trận mưa** (theo lưu lượng nước mưa thực tế mỗi đợt mưa to)

- Lượng nước súc rửa bể: **5-10 m³/lần** (thực hiện 3 năm /1lần/ bể).

* Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt bằng 100% nước cấp vào, tương đương 3m³/ngày.

Nước tưới cây và rửa đường tự thấm đất.

1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1 Vị trí địa lý

Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên tọa lạc tại phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hòa gồm có 2 kho dự trữ nhiên liệu, ranh giới của được giới hạn như sau :

* Kho A diện tích đất 9.400m²:

- Phía Đông giáp đường Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên.
- Phía Tây giáp đơn vị quân đội.
- Phía Nam giáp núi.
- Phía Bắc giáp đường vào đơn vị quân đội.

* Kho B diện tích 21.912m²:

- Phía Đông giáp bãi đậu xe của đội xe vận chuyển xăng dầu và khu dân cư.
- Phía Tây giáp núi và khu đô thị Mipeco.
- Phía Nam giáp kho quân đội.
- Phía Bắc giáp đường Tự do.

Ngoài ra còn có khu vực cảng dầu tiếp nhận xăng dầu từ các tàu chuyên chở nhiên liệu bằng đường biển.

Bảng 1.5: Bảng kê tọa độ địa lý ranh giới theo (VN 2000)

Vị trí	Điểm	Tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
KHO A	A	1350335.86	604620.16
	B	1350461.09	604604.31
	C	1350465.82	604609.04
	D	1350461.62	604661.62
	E	1350457.94	604665.82
	F	1350336.50	604709.46
	G	1350328.09	604698.41
	H	1350327.04	604680.54
	I	1350327.81	604645.22
	J	1350332.29	604644.26
	K	1350332.70	604636.01
	L	1350337.55	604635.15
	M	1350333.87	604629.02
	N	1350339.13	604627.97

Vị trí	Điểm	Tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
	O	1350335.45	604624.29
KHO B	A	1350711.33	604201.41
	B	1350676.11	604247.63
	C	1350636.91	604292.97
	D	1350596.71	604268.40
	E	1350556.51	604329.44
	F	1350622.01	604362.94
	G	1350639.88	604321.25
	H	1350644.33	604315.85
	I	1350725.48	604214.07
Cảng tiếp nhận		1351182.89	604479.71
Hệ tọa độ VN2000, múi 3 ⁰ kinh tuyến trực 108 ⁰ 15'			

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung năm 2009)



Hình 1.2: Sơ đồ thể hiện vị trí của Cơ sở

1.5.2 Các hạng mục của cơ sở

❖ Hạng mục công trình của 2 kho

- Kho A: có diện tích là 9.400m², được xây dựng gồm 4 hạng mục công trình:
 - + Khu nhà làm việc hành chính: có diện tích xây dựng khoảng 174,2m². Nhà cấp 4, sàn lát gạch men, trần đổ bê tông, tường xây gạch bao dày 220mm.
 - + Giàn cấp phát xăng dầu: diện tích xây dựng 113,9m², nhà mái tôn, khung sắt, vì kèo sắt không có tường bao. Có 05 cần cấp phát bơm rót cho xe nhận xăng dầu bơm rót vào bồn chứa của các xe với số lượng lớn từ 40m³/giờ đến 50m³/giờ.
 - + Khu vực đường ống bơm và cụm van: diện tích 55,3m²; khu vực này bao gồm máy bơm và cụm van từ bể chứa ra giàn cấp phát nhiên liệu.
 - + Khu vực bể chứa: tổng diện tích 3.507m² có 08 bể trụ đứng, bằng thép được xây nổi. Các bể chứa được lắp đặt hệ thống van thu hồi, hệ thống thu lôi chống sét đánh thẳng, hệ thống chữa cháy và làm mát trên mái bể. Quanh các bể đều có rãnh thoát, độ cao từ 1m – 1,3m và hệ thống công nghệ khép kín đảm bảo an toàn.
- Kho B: có diện tích là 21.912m², được xây dựng gồm 4 hạng mục công trình chính:
 - + Khu nhà làm việc hành chính: có diện tích xây dựng khoảng 189,8m², được xây dựng bằng vật liệu khó cháy. Nhà cấp 4 sàn lát gạch men, trần đổ bê tông, tường xây gạch bao dày 220mm, chất cháy bao gồm thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ hồ sơ, giấy tờ... Đây là nơi làm việc và nghỉ ngơi của nhân viên trong Kho.
 - + Giàn cấp phát xăng dầu: diện tích xây dựng 185,7m², nhà mái tôn, khung sắt vì kèo sắt nên không có tường bao. Có 08 cần cấp phát cho xe nhận xăng dầu với lưu lượng từ 40m³/h – 50m³/h.
 - + Khu vực đường ống bơm và cụm van: diện tích 59,7m²; khu vực này bao gồm máy bơm và cụm van từ bể chứa ra giàn cấp phát nhiên liệu.
 - + Khu vực bể chứa: tổng diện tích 15.950m² với 11 bể trụ đứng, bằng thép được xây nổi. Các bể chứa đều được lắp đặt hệ thống van thu hồi, hệ thống thu lôi chống sét đánh thẳng, hệ thống chữa cháy và làm mát trên mái bể. Quanh các bể đều có rãnh thoát, độ cao từ 1m – 1,3m và hệ thống công nghệ khép kín đảm bảo an toàn.

Bảng 1.6: Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Thông tin	Diện tích xây dựng (m²)
I	KHO A		
1	Nhà làm việc	Nhà cấp 4	174,2
2	Giàn cấp phát xăng dầu	Gồm 5 cần cấp phát	113,9
3	Khu vực đường ống bơm và cụm van	-	55,3
4	Bể chứa	8 bể xây nổi	3.507
4.1	BỂ A04 chứa nước sau xử lý	Thể tích 100 m ³	
4.2	BỂ A05 chứa nước sau xử lý	Thể tích 100 m ³	
4.3	BỂ A01 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 1.580 m ³	
4.4	BỂ A02 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 650 m ³	
4.5	BỂ A03 chứa Xăng	Thể tích 110 m ³	
4.6	BỂ A07 chứa Diesel (có mái phao)	Thể tích 1.570 m ³	
4.7	BỂ A08 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 2.490 m ³	
4.8	BỂ A09 chứa Diesel	Thể tích 2.550 m ³	
II	KHO B		
1	Nhà bảo vệ	1	16,64
1	Nhà làm việc	Nhà cấp 4	189,8
2	Giàn cấp phát xăng dầu	Gồm 8 cần cấp phát	185,7
3	Khu vực đường ống bơm và cụm van	-	59,7
4	Bể chứa	11 bể xây nổi	15.950
4.1	BỂ B01 chứa nước cứu hỏa	Thể tích 500 m ³	
4.2	BỂ B02 chứa Diesel	Thể tích 530 m ³	
4.3	BỂ B06 chứa Diesel	Thể tích 2.980 m ³	
4.4	BỂ B07 chứa chứa Diesel	Thể tích 2.030 m ³	

STT	Tên công trình	Thông tin	Diện tích xây dựng (m ²)
4.5	BỂ B08 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 1.970 m ³	
4.6	BỂ B09 chứa Diesel	Thể tích 1.000 m ³	
4.7	BỂ B10 chứa Diesel	Thể tích 2.970 m ³	
4.8	BỂ B11 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 1.150 m ³	
4.9	BỂ B14 chứa Diesel	Thể tích 2.340 m ³	
4.10	BỂ B15 chứa Xăng (có mái phao)	Thể tích 2.896 m ³	
4.11	BỂ B16 chứa Diesel	Thể tích 2.959 m ³	

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Phú Khánh, năm 2024)

❖ Khu vực Cảng dầu Mũi Chọt

Theo Quyết định số 406/QĐ-ĐKTBTV ngày 30/12/1997 của Cục Hàng hải Việt Nam, hiện tại Cảng dầu Mũi Chọt - Nha Trang có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 10.000DWT ra vào làm hàng, trong những năm qua Cảng dầu Mũi Chọt - Nha Trang đã tiếp nhận một khối lượng lớn xăng dầu khoảng 300.000 m³/năm.

Bến cảng thuộc bến phao neo tàu cách bờ 200m với ba cụm phao neo (1 mũi trái, 1 lái trái và một lái phải), mỗi phao có thể tích nổi 17m³ được nối với hệ thống rùa bê tông 60 tấn bằng xích Ø68, rùa bê tông được đặt -2,5m so với mặt đất đáy biển tại bến cảng. Cảng có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 10.000 DWT, các thiết bị phao neo, được kiểm tra và bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ theo quy trình bảo trì công trình hàng hải được phê duyệt, được Chi cục đăng kiểm số 5 kiểm tra cấp giấy chứng nhận, đảm bảo an toàn cho tàu vào neo đậu tại cảng để tiếp nhận xăng dầu từ tàu vào Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên.

Công ty Xăng dầu Phú Khánh luôn thực hiện đúng Quy định Giao nhận xăng dầu bằng đường thủy và vận hành cảng dầu Mũi Chọt Ban hành kèm theo Quyết định số: 773/PLXP-K-QĐ ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Công ty Xăng dầu Phú Khánh; quy trình khai thác kỹ thuật của Cảng dầu Mũi Chọt - Nha Trang theo Quyết định số 406/QĐ-ĐKTBTV ngày 30 tháng 12 năm 1997 và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Cục hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải Nha Trang và Phòng PC23 - Công an tỉnh Khánh Hòa khi tàu ra vào Cảng neo đậu bơm trả hàng.

Mặt khác Cảng dầu Mũi Chọt - Nha Trang nằm trong vùng nước thuộc khu du lịch Nha Trang: bãi tắm cách vùng cảng 1.000 m, nên đây là vùng rất nhạy cảm đối với ô nhiễm

của môi trường, đặc biệt là ô nhiễm do tràn dầu. Vì vậy để đảm bảo an toàn cháy nổ, vệ sinh môi trường cho vùng nước khu du lịch là điều quan trọng được đặt lên hàng đầu. Hàng năm Công ty Xăng dầu Phú Khánh đã đầu tư mua sắm thêm, hoàn thiện các thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường, nâng cấp, kiểm tra kỹ thuật bến cảng ngày một nâng cao, để đảm bảo an toàn tuyệt đối khi tiếp nhận tàu dầu.

Bảng 1.7: Các thông số cảng dầu 10.000 DWT

Tên cầu tàu	Tàu cập bến			Thông số cơ bản cầu cảng (m)			Loại hàng nhập
	Loại tàu	Trọng tải (DWT)	Chiều dài tàu (max, m)	Dài	Rộng	Độ sâu, m	
Cảng bến phao	Tàu dầu	10.000	108	230	42,4	-8,6 đến -11	Xăng, dầu

❖ **Hệ thống ống dẫn nhiên liệu**

Hệ thống ống dẫn dầu từ tàu chở nhiên liệu vào đất liền và tới các kho bao gồm:

- 02 tuyến ống $\Phi 273$ ($\Phi 273-1$ và $\Phi 273-2$) với tổng chiều dài mỗi ống 648 (45m ống mềm, 210m ống cứng đặt ngầm dưới biển và 393m ống cứng trên bờ)

- 01 tuyến ống $\Phi 219$ với tổng chiều dài 648 (45m ống mềm, 210m ống cứng đặt ngầm dưới biển và 393m ống cứng trên bờ).

- 01 tuyến ống $\Phi 159$ với tổng chiều dài mỗi tuyến ống là 1.072m (45m ống mềm, 210 ống cứng đặt ngầm dưới biển và 817m ống cứng trên bờ). Ống này hiện chủ yếu sử dụng bơm nước xuống tàu để đuổi nước làm sạch xăng dầu của ống sau khi bơm hết xăng dầu.

Các đoạn ống ngầm dưới biển, trên bờ và ống nối vào Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên có độ dày từ $10 \div 12\text{mm}$. Ống ngầm được bọc bảo quản chống ăn mòn mặt ngoài 3 lớp nhựa đường số 4 với độ dày $9 \pm 0,5\text{mm}$. Đoạn ống dưới biển tại đầu nối ống mềm đặt 2 tạ bê tông 10 tấn, còn lại vào bờ cứ 20m đặt 2 tạ bê tông, mỗi tạ 300kg để giữ định vị tuyến ống. Áp suất làm việc tối đa của tàu bơm trả hàng 5kg/cm^2 . Hệ thống ống được kiểm tra trước mỗi lần tàu vào bơm hàng và định kỳ 3 tháng bơm thử áp suất một lần. Quy trình thử áp suất đường ống được tuân thủ theo Quyết định số 183/PLX-QĐ-TGD ngày 05/3/2024 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Đối với ống thép có áp suất làm việc không lớn 5kg/cm^2 , áp suất thử bằng 1,5 lần áp suất làm việc và không nhỏ hơn 2kg/cm^2 ; đối với ống thép có áp suất

làm việc lớn hơn 5kg/cm^2 , áp suất thử bằng 1,25 lần áp suất làm việc và không nhỏ hơn 3kg/cm^2 . Hệ thống luôn đảm bảo kín không rò rỉ xăng dầu trong quá trình bơm chuyển. Tại đầu ống cứng có phao dầu và các ống mềm có lắp phao dầu quả nhót $\Phi 0,5\text{m}$ để báo hiệu vị trí ống tránh tàu va kéo gãy, đứt ống.

Hệ thống đường ống công nghệ từ cảng đến cụm van trước và sau khi kết thúc bơm hàng luôn đảm bảo trong tình trạng không chứa hàng.

Ngoài ra, Kho còn một số hạng mục công trình phụ trợ như nhà bảo vệ, khu vực đặt máy phát điện, nhà xe, nhà vệ sinh, hồ chứa nước PCCC, diện tích cây xanh, thảm cỏ và đường nội bộ...

1.5.3 Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Các máy móc, thiết bị phục vụ cho vận hành hoạt động của Kho được tổng hợp như sau:

Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng
A	Đường ống dẫn tại Cảng Mũi Chọt		
1	Đường ống dẫn XD D159 mm	Tuyến	1
2	Đường ống dẫn XD D273 mm ($\Phi 273- 1$)	Tuyến	1
3	Đường ống dẫn XD D219 mm	Tuyến	1
4	Đường ống dẫn XD D273 mm ($\Phi 273- 2$)	Tuyến	1
5	Tường rào B.Vệ tuyến ống liên kho	Tuyến	1
B	Máy móc, thiết bị tại kho A và B		
1	Trạm bơm xăng dầu - Kho A Gồm 5 máy bơm xăng dầu $80\text{m}^3/\text{h}$; 1 máy bơm vét, chuyên bể; 1 máy bơm nước xuống tàu đẩy ống.	Cái	7
2	5 họng xuất tương ứng với 5 máy bơm xuất xăng dầu cho xe xitec tại Kho A	Cái	5
3	Trạm bơm xăng dầu - Kho A Gồm 8 máy bơm xăng dầu $80\text{m}^3/\text{h}$; 1 máy bơm vét, chuyên bể	Cái	9
4	8 họng xuất tương ứng với 8 máy bơm xuất xăng dầu cho xe xitec tại Kho B	Cái	8
5	Hệ thống công tự động kho A	Cái	2
6	Hệ thống công tự động kho B	Cái	1
7	Máy phát điện kho A	Cái	1
8	Máy phát điện kho B	Cái	1

Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng
9	Hệ thống ống công nghệ, van tại Kho A + Kho B	Tuyến	1
10	Đường ống PCCC-Kho A + Kho B	Tuyến	1
11	Máy biến áp 380V - Kho B	cái	1

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Phú Khánh, năm 2024)

1.5.4 Các hạng mục về kết cấu hạ tầng của cơ sở

Về giao thông:

Cơ sở có vị trí địa lý rất thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy. Nhiên liệu được nhập vào kho bằng các tàu chở nhiên liệu cập bến tại Cảng dầu Mũi Chọt - Nha Trang cách Kho B 500m. Về giao thông đường bộ Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên nằm tiếp giáp trên đường Tự do, đường Trần Phú một trong những con đường lớn của thành phố Nha Trang.

Hệ thống cấp điện:

Đã có hệ thống điện do Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa cung cấp và quản lý, đảm bảo đủ công suất và chủ động nguồn điện cho quá trình hoạt động lâu dài của kho.

Cấp nước:

Đã có hệ thống nước cấp do Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa cung cấp.

Hệ thống thoát nước:

Hiện tại khu vực của cơ sở đã có hệ thống thu gom nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Hệ thống thông tin liên lạc:

Hệ thống cáp quang thông tin liên lạc của các nhà cung cấp của Việt Nam như VNPT, Viettel... đã được đặt sẵn dọc theo tuyến đường chính trong nội thành phố Nha Trang.

CHƯƠNG 2

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

- Hiện nay, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, do vậy chưa có căn cứ để đánh giá sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Với loại hình hoạt động của cơ sở là kho xăng dầu, trong quá trình hoạt động cơ sở sẽ xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn) đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành nên không làm suy giảm đa dạng sinh học, không gây suy thoái môi trường, tăng cường thúc đẩy kinh tế xã hội khu vực.

Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường của Tỉnh:

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số: 3378/QĐ-UBND ngày 8/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa giai đoạn từ 2021 – 2025.
- Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.
- Khu vực hoạt động của cơ sở không nằm trong khu vực bảo tồn hạn chế phát triển, không nằm vùng phòng hộ môi trường, không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt hệ sinh thái. Căn cứ các quyết định trên, cơ sở hoạt động hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh Khánh Hòa.

2.2 Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

❖ **Đối với nước thải**

Đối với nước thải nhiễm dầu tại cơ sở được thu gom và xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng

dầu, cột B đối với kho xăng dầu, sau đó được thu hồi về bể A04, A05 với tổng thể tích 200 m³ để tái sử dụng cho hoạt động đuồi đường ống nhập tàu, không xả thải ra môi trường.

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh cơ sở sẽ được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn trám đáy và được hút định kỳ, không xả thải ra môi trường.

Theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và Điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc đánh giá khả năng chịu tải cho nguồn tiếp nhận là nguồn nước mặt; vì vậy đối với nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thành phố không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

Như vậy, hoạt động của kho phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải.

❖ **Đối với nước khí thải**

Hiện tại, cơ sở hoạt động không phát sinh khí thải nên sẽ không đánh giá khả năng chịu tải của môi trường đối với khí thải

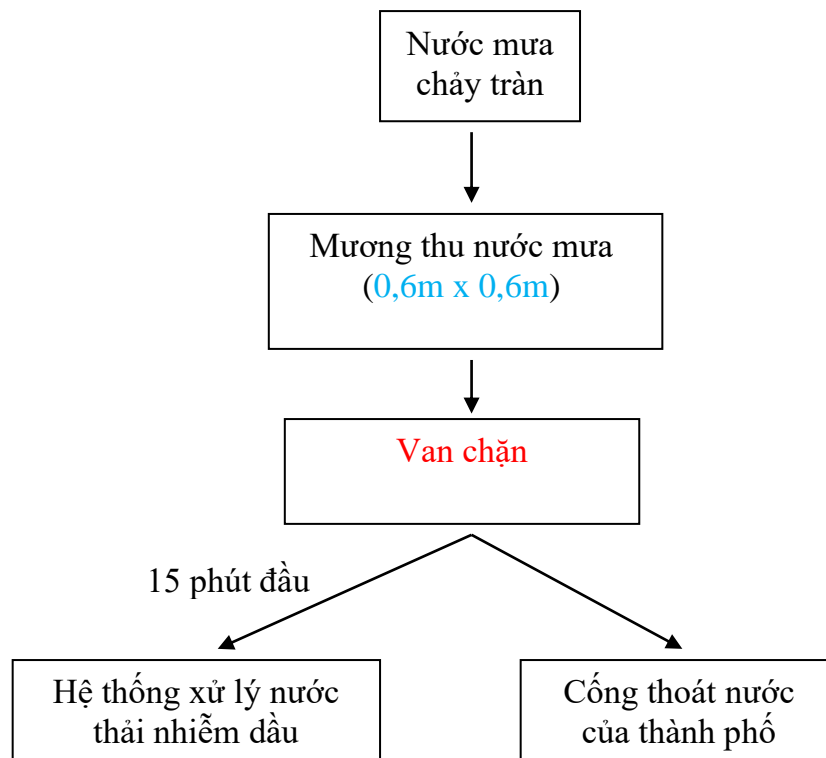
CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Quy trình thu gom, thoát nước mưa tại 2 kho như sau:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở

Nước mưa tại kho sẽ được phân ra 2 loại: nước mưa nhiễm dầu và nước mưa không nhiễm dầu. Nước mưa nhiễm dầu là lượng nước mưa 15 phút đầu tiên sẽ chảy từ các khu bề, khu cấp phát và sân bãi, lượng nước mưa đầu sẽ cuốn theo một lượng xăng dầu vào nguồn nước, khi đó nước mưa sẽ không còn là nước qui ước sạch nữa mà lượng nước mưa này cần phải được thu gom và xử lý. Tại mương thu nước bố trí các van để ngăn chặn để điều chỉnh và thay đổi dòng chảy của nước mưa.

Quy trình thu gom nước mưa nhiễm dầu:

Tại Kho A, trong 15 phút đầu tiên của cơn mưa, nước mưa hầu hết chảy tràn trên bề mặt sẽ chảy vào mương thu nước mưa hiện hữu có nắp có kích thước 0,6m × 0,6m qua hồ van V2A theo đường ống D600mm vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

Tại Kho B trong 15 phút đầu tiên của cơn mưa, nước mưa hầu hết chảy tràn trên bề mặt sẽ chảy vào mương thu nước mưa hiện hữu có nắp có kích thước $0,6m \times 0,6m$ qua hố van V4, V4 vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.

Quy trình thu gom nước mưa không nhiễm dầu:

Tại Kho A, sau 15 phút đầu của cơn mưa, nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sẽ chảy theo mương thu nước mưa hiện hữu có nắp có kích thước $0,6m \times 0,6m$ qua hố van V1A theo đường ống D600mm đầu vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Tại Kho B, sau 15 phút đầu của cơn mưa, nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sẽ chảy vào theo mương thu nước mưa hiện hữu có nắp có kích thước $0,6m \times 0,6m$, vào hố ga rồi theo đường ống D 400mm đầu vào hệ thống thoát nước chung của thành phố. (mở van V1, V3).

Bảng 3.1: Tọa độ, địa giới vị trí tiếp nhận nước mưa tại kho A và kho B

STT	Vị trí	Hệ VN 2000 (kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Kho A: Cống tiếp nhận phía trước cổng phụ	1350443.4	604619.8
2	Kho B: Cống tiếp nhận trên đường Tự Do	1350727.7	604221.3

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải:

❖ Các nguồn phát sinh nước thải

Nước thải của cơ sở phát sinh từ chủ yếu từ 4 nguồn gồm:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên: phát sinh từ khu nhà vệ sinh.
- Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động đùn dầu trong đường ống vào bể mỗi khi nhập hàng.
- Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ nước mưa 15 phút đầu trong các khu bể, khu cấp phát chảy ra.
- Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động súc rửa bồn.

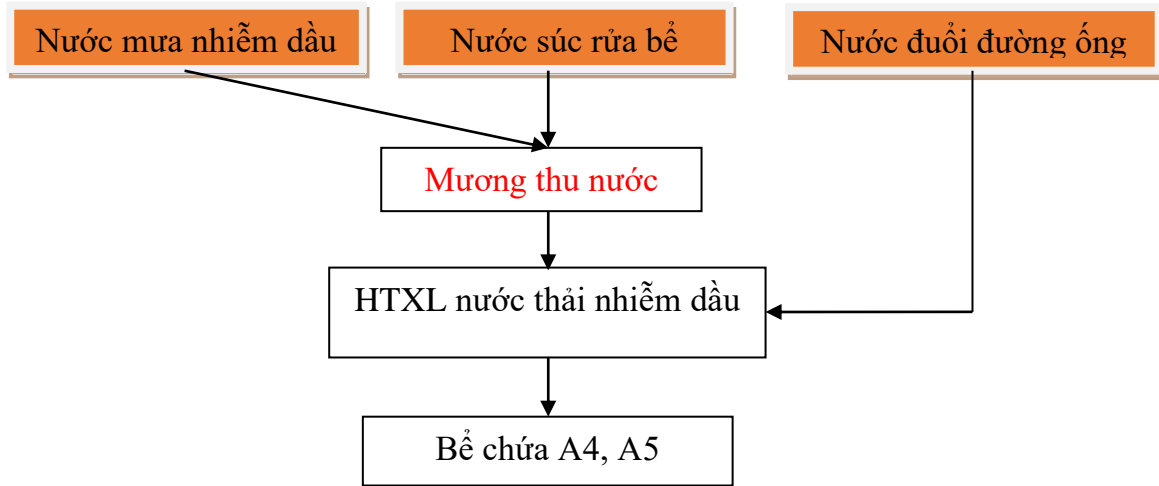
❖ Lưu lượng phát sinh nước thải của Cơ sở

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên: $3 m^3/ngày$
- Lưu lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh không thường xuyên:
 - Nước đùn đường ống nhập tàu: $60-80 m^3/chuyến$ tàu nhập hàng.

- Nước mưa 15 phút đầu trong các khu bể chảy ra: 10 m³/trận mưa (theo lưu lượng nước mưa thực tế mỗi đợt mưa to)
- Nước súc rửa bể: 5-10 m³/lần (thực hiện 3 năm/1lần/ bể).

❖ **Công trình thu gom nước thải**

Nước thải nhiễm dầu của cơ sở được thu gom như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải nhiễm dầu của Cơ sở

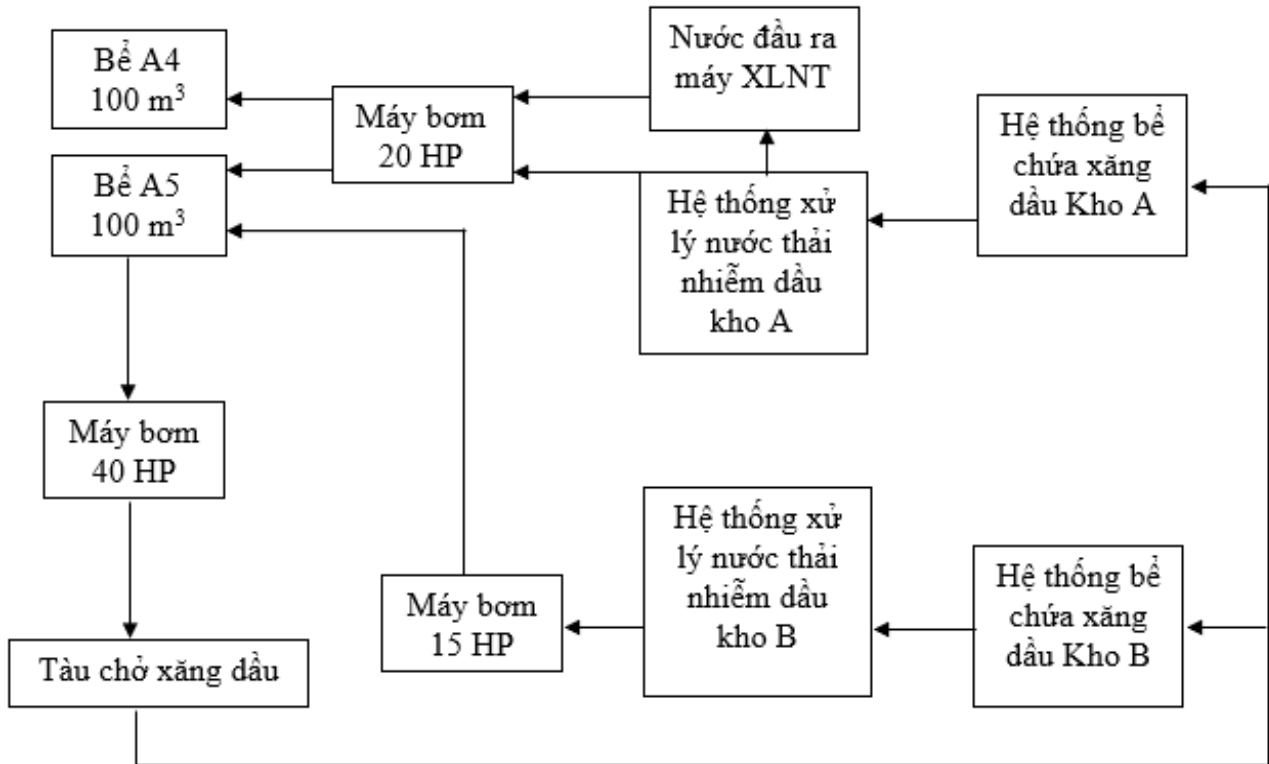
- Nước mưa nhiễm dầu theo mương thu nước (kích thước 0,6m x 0,6m) về HTXL nước thải nhiễm dầu.
- Nước thải súc rửa bể theo mương thu nước (kích thước 0,6m x 0,6m) về HTXL nước thải nhiễm dầu.
- Nước đui đường ống theo đường ống thép xanh D159 mm về HTXL nước thải nhiễm dầu.
- Tất cả lượng nước trên được bơm thu hồi lên bể A4, A5 (tổng thể tích 200m³).

❖ **Quy trình thu hồi nước thải từ bể bẫy dầu lên bể chứa A4, A5**

Thuyết minh quy trình thu hồi nước thải:

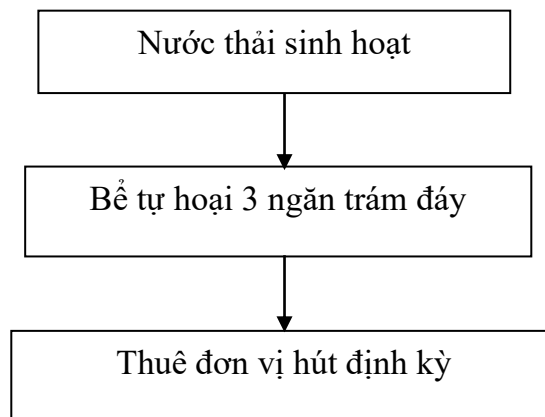
- Sau khi tàu tại Cảng bơm hàng xong, tiến hành bơm nước từ bể A4/A5 xuống tàu để đẩy đường ống, sử dụng máy bơm 40HP chuyên dùng cho nhập tàu, nước được bơm theo đường ống xanh D159.
- Tàu thực hiện đẩy nước theo đường ống nhập lên vào bể chứa xăng dầu Kho A hoặc Kho B
- Tại Kho B, nước nhiễm dầu được xả vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu. Sử dụng máy bơm 15HP để hút và bơm đẩy nước thải sau xử lý lên bể A4/A5, bơm theo đường ống 159 qua Kho A theo hệ thống công nghệ máy bơm số 7 bơm lên bể A4/A5 (Kho B mở van 96, Kho A mở van 106 + 120 +121+124 +111).

- Tương tự, tại Kho A, nước nhiễm dầu được xả vào hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, sau khi xử lý sử dụng máy bơm 20HP để bơm lên bể A4, A5 (Mở van 122 + 125 + 124 + 115/111).



Hình 3.3: Sơ đồ thu hồi nước thải lên bể chứa A4, A5

❖ *Nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom như sau:*



Hình 3.4: Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt của Cơ sở

- Hiện tại, hệ thống thoát nước tại khu vực chưa thu gom nước thải vào hệ thống chung của thành phố để đưa về nhà máy xử lý nước thải phía Nam theo công văn số 694/DVCI-KHKT và 696/DVCI-KHKT ngày 29/07/2024. Nước thải sinh hoạt tại mỗi Kho sẽ chảy đường ống nhựa PVC Ø90 và PVC Ø114 chảy vào bể tự hoại 3 ngăn trám đáy đặt tại mỗi

kho, lưu chứa và thuê đơn vị hút định kỳ.

❖ **Vị trí xả thải**

- Nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ được bơm về bể A4, A5 mỗi bể có thể tích 100m³ để lưu trữ tái sử dụng đuôi dầu trong đường ống sau mỗi lần nhập dầu, không xả nước thải ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động vệ sinh của nhân viên, sẽ được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn trám đáy, sau đó được lưu trữ tại bể và định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút, không xả nước thải ra môi trường.

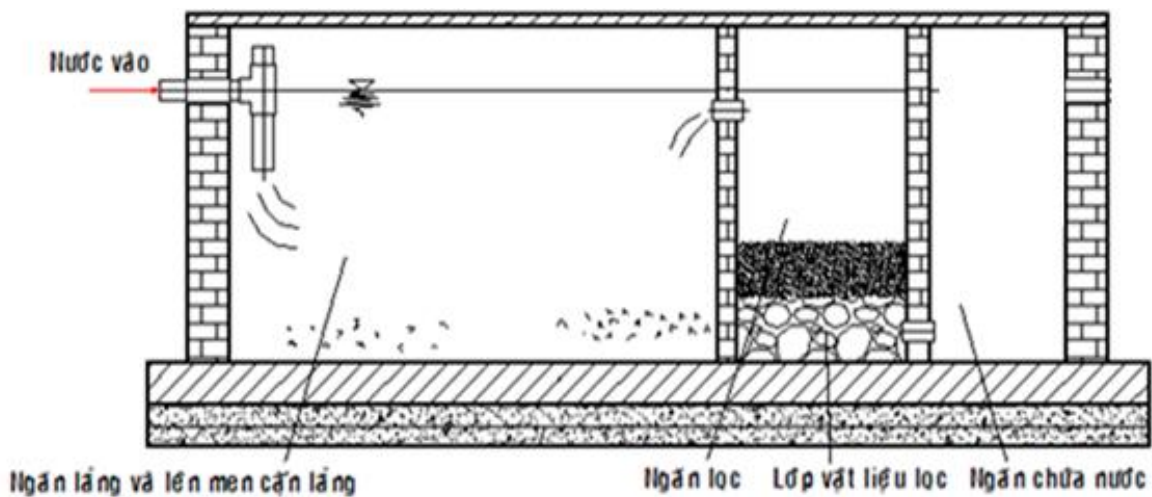
❖ **Vị trí của các bể tự hoại 3 ngăn**

Bảng 3.2: Tọa độ, địa giới vị trí bể tự hoại 3 ngăn tại Kho A và B

STT	Vị trí	Hệ VN 2000 (kính tuyến 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Bể tự hoại 3 ngăn trám đáy kho A	1350430.0	604645.3
2	Bể tự hoại 3 ngăn trám đáy kho B	1350667.2	604222.1

3.1.3 Hệ thống xử lý nước thải

❖ **Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:**



Hình 3.5: Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn trám đáy

Nguyên lý hoạt động:

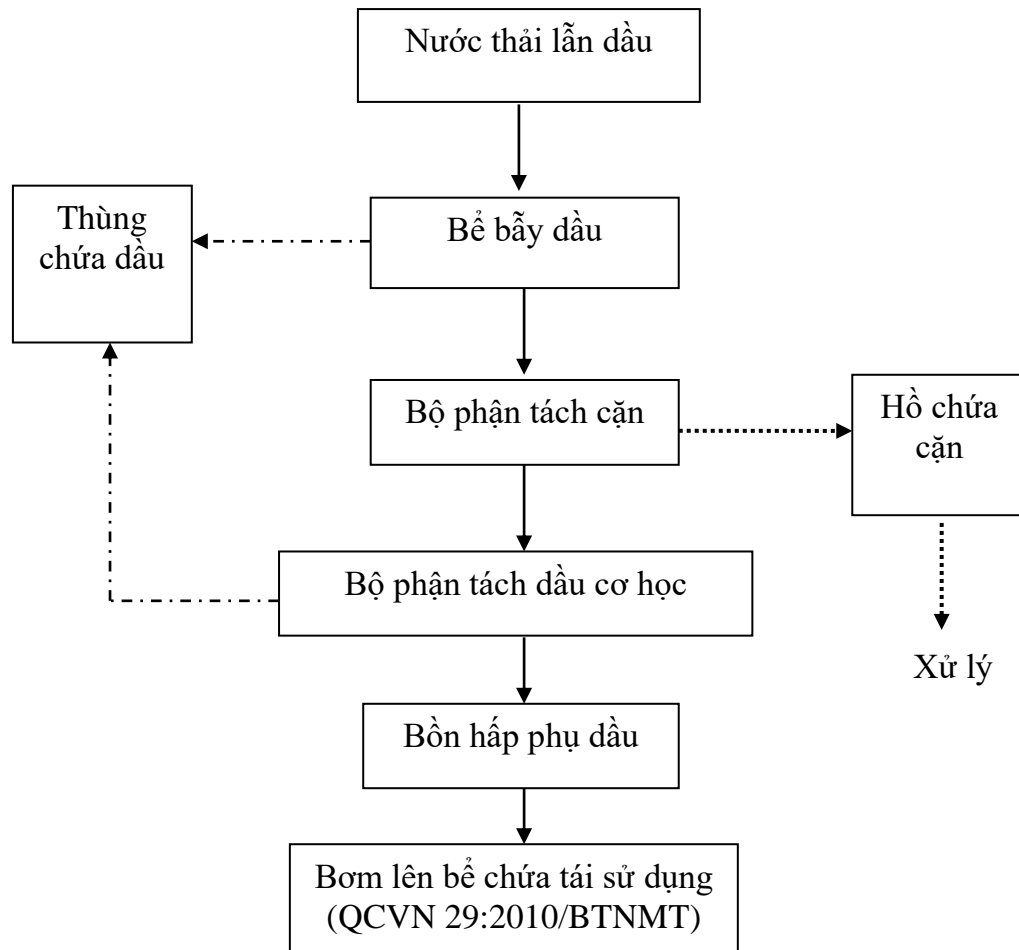
Các bể tự hoại có cấu tạo ba ngăn trám đáy. Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Tại đây, cặn được lắng ở dưới đáy bể và bị phân hủy trong môi trường yếm

khí. Tiếp theo, nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Tại ngăn thứ hai, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, các chất hữu cơ trong nước thải tiếp tục bị phân hủy yếm khí. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba có chứa vật liệu lọc là sỏi và cát để giữ lại các thành phần không lắng được. Bể tự hoại có khả năng xử lý 60 – 65% BOD5 và 65 – 70% SS.

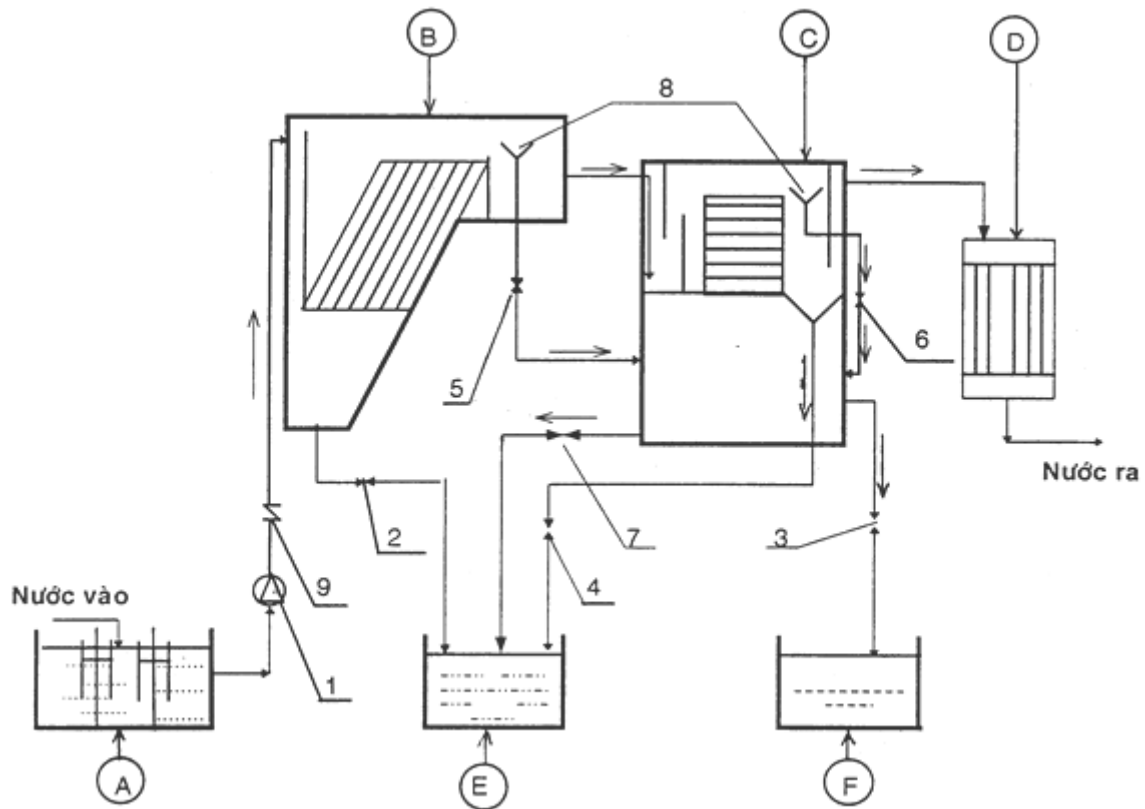
Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó được lưu chứa tại bể. Định kỳ sẽ được đơn vị Môi trường đến hút và vận chuyển xử lý đúng quy định. Tần suất hút 3 tháng/ lần hoặc khi có dấu hiệu đầy bể tự hoại (bồn vệ sinh không thể xả nước được). Cơ sở không thải nước thải ra ngoài môi trường.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu bao gồm:**

Hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu SS-OST-R15B công suất 360m³/ngày.đêm. Tại mỗi kho bố trí một hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.



Hình 3.6: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở



Hình 3.7: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải của cơ sở

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Nước thải nhiễm dầu có hàm lượng $\leq 500\text{mg/l}$, được thu gom vào hệ thống bể dầu sơ bộ (A) (5 ngăn), khi qua bể này các hạt dầu có kích thước lớn sẽ nổi lên mặt nước và định kỳ thu gom bằng phương pháp thủ công. Các hạt dầu có kích thước nhỏ sẽ theo nước vào bể trung gian (5). Tại đây máy bơm chìm sẽ bơm nước thải vào thiết bị xử lý SS-OST.

Tiếp đến nước thải đi qua bộ phận tách cặn (B), các cặn có kích thước lớn tỷ trọng cao như: bùn, cát sẽ được tách ra khỏi nước sẽ lắng xuống phần chóp dưới của thiết bị.

Nước thải tiếp tục chảy sang bộ phận tách dầu cơ học (C), khi đi qua hộp tách dầu nhờ cơ chế keo tụ cơ học - các hạt dầu có kích thước nhỏ sẽ liên kết lại với nhau thành hạt dầu lớn và nổi lên trên. Nhờ phễu thu dầu, dầu được gom lại và chứa trong ngăn chứa dầu. Cặn lắng và dầu thu hồi được lấy ra định kỳ bằng các van xả cặn (2), (4), (7) vào hố chứa cặn (E) và van xả dầu (3) vào thùng chứa dầu (F).

Nước thải sau khi qua ngăn tách dầu có nồng độ dầu $\leq 10\text{ mg/l}$ tiếp tục được đưa sang bồn hấp phụ dầu (D), khi qua lớp vật liệu lọc hàm lượng dầu trong nước thải giảm xuống $\leq 1\text{mg/l}$ và với hàm lượng dầu $\leq 1\text{ mg/l}$ nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT. Nước thải sau khi xử lý được sử dụng tuần hoàn cho các hoạt động đui nước, vệ sinh bể không thải ra môi trường bên ngoài.

Nước thải sau xử lý tại Kho A và Kho B chứa vào bể (6) rồi được bơm thu hồi lên bể A4 và A5 tại Kho A để tái sử dụng tuần hoàn.

Cặn lắng và dầu thu hồi được lấy ra định kỳ từ các van xả cùng với vật liệu hấp phụ.

Dầu cặn thu hồi được thu gom xử lý theo chất thải nguy hại.

*** Ưu điểm của hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu SS-OST-R15B**

- Gọn nhẹ, chiếm ít diện tích, giá thành thấp.
- Vận hành đơn giản.
- Độ bền cao, chịu va đập.
- Không phải thay thế phụ tùng, không sử dụng hóa chất.
- Làm việc liên tục.
- Không gây ồn.
- Hiệu suất xử lý cao.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải 360 m³/ngày,đêm

Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của HTXLNT

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Hệ thống bể bể dầu sơ bộ (A) (Bể 1,2,3,4,5)	- Thể tích: 55,8 m ³ - Kích thước D x R x H: Cụm bể 1,2,3: (6m x 2,1m x 3m) Cụm bể 4,5: (3m x 2m x3m) - Vật liệu: Xây gạch, chống thấm
2	Thiết bị xử lý nước thải nhiễm dầu SS-OST- R15B	Bộ phân tách cặn (B) - Thể tích: 5,35 m ³ - Kích thước: D x R x C = (2,3x 1,5x 0,6) + phần tam giác (1/2 x 1,9 x 2,3 x 1,5) - Vật liệu: Thép không gỉ
		Bộ phận tách dầu (C) - Thể tích: 5,75 m ³ - Kích thước: D x R x C = 2,3x 1x 2,5m. - Vật liệu: Thép không gỉ
		Bồn hấp phụ dầu (D) - Thể tích: 1,6 m ³

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		- Kích thước: D x R x C = 1x 0,8x 2m. - Vật liệu: Thép không gỉ
3	Bể thu cặn (E)	- Thể tích: 1,9 m ³ - Kích thước: D x R x C = 1,1x 0,8x 2,2m. - Vật liệu: Xây gạch, chống thấm
4	Thiết bị chứa dầu (F)	- Thu hồi vào xô, đưa vào khu chứa chất thải nguy hại.
5	Bể thu nước sau xử lý (Bể 6)	- Thể tích: 12,6 m ³ - Kích thước: D x R x C = 2x 2,1x 3m. - Vật liệu: Xây gạch, chống thấm
6	Bể chứa nước để tái sử dụng Bể A4, A5	- Thể tích: 100 m ³ /bể - Kích thước: D x C = 2x 2,1x 3m. - Vật liệu: bể trụ thép xây nổi

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Phú Khánh)

❖ Hệ thống xử lý nước thải không sử dụng hóa chất.

Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn tại kho A và B

STT	Vị trí	Kích thước (m)		
		D	R	H
1	Bể tự hoại 3 ngăn trảm đáy kho A	5	4	2
2	Bể tự hoại 3 ngăn trảm đáy kho B	5	4	2

(Nguồn: Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên)

❖ **Quan trắc nước thải tự động:** Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở không có các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

3.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ

công nhân viên tại cơ sở, chủ yếu là bao bì ni long, giấy gói thực phẩm,..tại Kho không tổ chức nấu ăn nên rác thực phẩm, thức ăn thừa rất ít hoặc không có. Hiện tại, trong quá trình hoạt động của cơ sở có 37 cán bộ nhân viên làm việc, khối lượng CTR phát sinh do hoạt động sinh hoạt của cơ sở theo số liệu thực tế là 15 kg/ngày tương đương 5,5 tấn/năm.

Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại mỗi Kho:

Cơ sở tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tại chế như giấy, nhựa, kim loại... sẽ được phân loại lưu trữ tại thùng chứa rác thải tái chế có dung tích 60 lít có nắp.
- Chất thải hữu cơ dễ phân hủy như vỏ trái cây, lá cây, thực phẩm thừa sẽ được lưu trữ tại thùng chứa rác thải dung tích 60 lít có nắp.
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: đối với loại công kênh sẽ thu gọn giảm kích thước, loại nhỏ sẽ được cho vào túi, cột miệng và bỏ vào thùng rác có dung tích 60 lít có nắp.

Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Cơ sở đã bố trí các thùng rác xung quanh khu vực sản xuất, văn phòng... để đảm bảo vệ sinh môi trường. Cơ sở đã bố trí các thùng rác trong cơ sở như sau:

- Khu văn phòng: bố trí 2 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 15 Lít.
- Tại khu vực sân đường nội bộ cho lắp đặt khoảng 1 thùng chứa rác có dung tích 60 lít có nắp đậy tại các vị trí thích hợp.

Toàn bộ rác thải sẽ được đưa về 3 thùng chứa rác 60 lít tại khu tập kết chất thải rắn 1m² (D x R = 1m x 1m) tại mỗi kho trước khi chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

Khu tập kết chất thải có tường bê tông, có nền xi măng, có mái che bằng tôn.

Biện pháp xử lý:

Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty cổ phần môi trường đô thị Nha Trang (theo Hợp đồng số 2502/2024/HĐ-TGVCXLRTSH ngày 02/01/2024). Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

Một phần rác thải nhựa có thể tái chế trong chất thải rắn sinh hoạt được thu gom. lưu giữ riêng tại khu vực chất thải thông thường và bán cho đơn vị thu mua phế liệu, định kỳ đến thu gom, vận chuyển đi phục vụ cho mục đích tái chế.

Phần chất thải thực phẩm cuối ngày sẽ người dân xung quanh mang về làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.



Hình 3.8: Khu vực lưu trữ chất thải sinh hoạt

3.3.2 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh bao gồm các loại được trình bày như bảng dưới.

- Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm trung bình khoảng 8.000 - 10.000 kg/năm, theo số liệu cung cấp thực tế từ cơ sở.

Bảng 3.5: Phân loại chất thải nguy hại tại cơ sở

STT	Chất thải nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải vét bể	19 07 01	3.000
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	17 05 02	5.000

STT	Chất thải nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm dầu	18 02 01	10
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	100
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	200
6	Bóng đèn led, thiết bị điện tử thải	16 01 13	20
7	Hộp chứa mực in	08 02 04	4
8	Pin thải	16 01 12	2
TỔNG			8.336

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Phú Khánh)

Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại

Đối với chất thải dạng rắn sẽ được lưu trữ trong kho:

Kho A: có diện tích 5m² (D×R = 2,5m × 2m), tường bằng tôn, mặt sàn tráng xi măng, có cửa ra vào, mái che bằng tôn, có biển tên, biển báo.

Kho B: có diện tích 4,6m² (D×R = 2,3m × 2m), tường bằng tôn, mặt sàn tráng xi măng, có cửa ra vào, mái che bằng tôn, có gờ bao quanh kho bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài, có biển tên, biển báo.

Đối với bùn thải: mỗi kho bố trí 01 hố chứa bùn thải xi măng tráng đáy có nắp đậy, thể tích 8 m³ (kích thước hố tại Kho A: D×R×C=2,8x2,1x1,4m và Kho B: D×R×C=2,8x2x1,4m) và sân phơi bùn 17,28m³ đặt tại Kho A (D×R = 12m × 3,6m) kết cấu bằng bê tông chống thấm, có thành cao 0,4m.

Việc thu gom , lưu trữ chất thải nguy hại tại 2 Kho A, B được thực hiện như sau

Thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải nguy hại theo từng loại; gồm có 04 thùng chứa có nắp có dung tích 120l, 02 thùng tôn 500 lít được chia làm 4 ngăn riêng, 02 hố chứa bùn thải 8 m³ bằng xi măng tráng đáy có nắp đậy và sân phơi bùn 17,28 m³ tất cả đều được dán tên, mã chất thải riêng biệt.

Biện pháp xử lý

Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa (theo Hợp đồng số 268/24/HĐKT/MTKH ngày 20/03/2024).



Hình 3.9: Hồ phơi bùn thải nguy hại tại cơ sở



Hình 3.10: Kho chứa chất thải nguy hại tại kho A và kho B

3.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có).

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy máy bơm, máy phát điện, máy móc khu vực cấp phát xăng dầu:

- Bố trí khu nhà máy bơm nước riêng, khu vực xử lý nước thải riêng, nơi đặt máy phát điện riêng các khu vực khác.

- Vệ sinh định kỳ máy bơm 1-2 lần/năm, cọ rửa cánh quạt bị đóng váng cặn.

- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên: kiểm tra độ mòn chi tiết, tra dầu bôi trơn, thay thế các chi tiết bị hư hỏng.

- Sử dụng máy phát điện đạt tiêu chuẩn chất lượng. Máy phát điện bố trí nhà riêng có lắp đặt bệ đỡ, ống khói cao 4 m so với mặt đất, đường kính 0,2 m, được làm bằng thép, có mũ chụp trên miệng ống khói để che mưa chảy vào.

- Kiểm tra, kịp thời khắc phục, sửa chữa thiết bị nếu phát hiện có tiếng ồn, rung động phát ra từ các máy móc.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên máy móc, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải.

3.5 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.5.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

• Biện pháp phòng ngừa:

- Hướng dẫn, đào tạo nhân viên có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra; Việc vận hành hệ thống theo đúng quy trình của hệ thống điều khiển tự động.

- Vận hành đúng quy trình và định kỳ bảo dưỡng; dự trữ sẵn một số thiết bị thay thế cho hệ thống xử lý như máy bơm, ...

- Trong trường hợp bơm ở một công đoạn xử lý nào bị hỏng, sử dụng các bơm dự phòng khác để hệ thống vận hành liên tục trong khi sửa chữa hoặc thay thế bơm bị hỏng;

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất, cho vận hành máy phát điện dự phòng kịp thời để hệ thống xử lý nước thải luôn vận hành ổn định.

• Quy trình ứng phó sự cố:

- Trường hợp HT XLNT gặp sự cố nhỏ (đã có phương án ứng phó trong hướng dẫn vận hành HT XLNT): Công nhân vận hành sẽ kiểm tra và trực tiếp khắc phục.

- Trường hợp HT XLNT gặp sự cố lớn (ngoài hướng dẫn vận hành HT XLNT):

+ Công nhân vận hành đóng van xả nước thải để tránh khả năng nước thải không đạt quy chuẩn xả thải vào môi trường, đồng thời ngừng bơm nước thải bể lắng tách dầu sang bể phản ứng của HT XLNT.

+ Nước thải từ các hoạt động của Kho sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong HT XLNT (có khả năng lưu chứa nước thải của Kho trong vòng 08 giờ).

+ Sau đó, ban lãnh đạo Công ty nhanh chóng tổ chức ứng phó, xác định nguyên nhân, tập trung các nguồn lực để triển khai biện pháp xử lý, khắc phục sự cố trong vòng 08 giờ. Nếu sự cố không thể khắc phục trong vòng 08 giờ (vượt quá khả năng lưu chứa của hồ sự cố) thì ngay lập tức tạm dừng các hoạt động của Kho để tránh phát sinh thêm nước thải, đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp xử lý, khắc phục sự cố.

+ Sau khi sự cố được khắc phục, tiến hành vận hành HT XLNT như bình thường và công nhân tiếp tục theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống cho đến khi ổn định trở lại.

3.5.2 Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố tràn dầu

3.5.2.1 Phòng ngừa sự cố tràn dầu

**** Phòng ngừa sự cố tràn dầu trên mặt đất***

- Xây dựng hệ thống đê ngăn cháy đúng theo tiêu chuẩn thiết kế. Hệ thống đê ngăn cháy xung quanh các bể chứa xăng dầu là rất cần thiết, ngoài chức năng hạn chế sự phán tán ô nhiễm thì hệ thống đê ngăn cháy còn đảm nhận chức năng ngăn ngừa sự cố cháy nổ, giảm thiểu các thiệt hại dây chuyền phát sinh do đổ vỡ bể chứa nhiên liệu. Đê ngăn cháy phải được xây dựng bằng vật liệu không cháy, độ cao của đê ngăn cháy không được nhỏ hơn 0,5m. Dung tích hữu ích của đê ngăn cháy không được nhỏ hơn dung tích của bể chứa lớn nhất. Mức xăng tràn ra trong đê phải thấp hơn mặt đê 0,1m.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống công nghệ nhập xuất xăng dầu và hệ thống van.

- Trang bị các thiết bị chứa nhiên liệu dự phòng khi xảy ra rò rỉ, nứt vỡ bồn chứa.

**** Phòng ngừa sự cố tràn dầu ra mặt nước***

- Kiểm soát tốt quá trình nhập hàng, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa công nhân và thủy thủ.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống ống dẫn nhiên liệu dưới biển.

- Nghiêm cấm việc vệ sinh súc rửa tàu, đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước biển tại khu vực tàu neo đậu.

- Đảm bảo tình trạng kỹ thuật của các tàu chở nhiên liệu.
- Thiết lập nội quy tàu hàng ra vào cảng tiếp nhận.

3.5.2.2 Ứng phó sự cố tràn dầu

* Ứng phó tràn dầu trên mặt đất

BUỚC 1. Nhanh chóng thực hiện thao tác khoá van, tắt bom, ngắt điện toàn bộ Kho

BUỚC 2. Lập tức thông báo cho Chỉ huy hiện trường và các CBCNV khác. Chỉ huy hiện trường báo cáo cho ĐVCQ. CN trực thông báo sự cố tới các phương tiện, người không có nhiệm vụ và yêu cầu rời đi nếu cần thiết.

BUỚC 3. Chỉ huy hiện trường đánh giá nhanh diễn biến, quy mô sự cố để quyết định phương án có huy động thêm nguồn lực hay không. Từ đó xây dựng chiến lược ứng phó hiệu quả và an toàn.

Trường hợp quy mô sự cố nằm TRONG khả năng tự ứng phó của Kho	Trường hợp quy mô sự cố nằm NGOÀI khả năng tự ứng phó của Kho
BUỚC 4A. Huy động nhân lực và trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động UPSCTD và PCCC của Kho & Đội BV-PCCC tới hiện trường; đặt cách điểm sự cố tùy theo địa hình và tình huống cụ thể.	2.1 BUỚC 4B. Thông báo khẩn cấp sự cố tới ĐVCQ, cơ quan có thẩm quyền các cấp, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, cộng đồng dân cư có thể bị ảnh hưởng. Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về nguyên nhân, diễn biến sự cố.
BUỚC 5A. Trường hợp thùng bể, tràn bể, lượng dầu tràn sẽ được cô lập trong phạm vi đê khu bể. Trường hợp lượng dầu tràn trên khu vực không có đê ngăn thì sẽ sử dụng phao vây để cô lập dầu tràn.	BUỚC 5B. Huy động nhân lực và trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động UPSCTD và PCCC của Kho & Đội BV-PCCC tới hiện trường; đặt cách điểm sự cố tùy theo địa hình và tình huống cụ thể.
BUỚC 6A. Nếu đảm bảo an toàn và hiệu quả, sử dụng xô chậu / phễu hứng / bồn chứa dầu tạm bằng nhựa hoặc kim loại màu và bơm phòng nổ để thu dầu tràn, dầu còn chứa trong các phương tiện chứa đựng đang tràn.	BUỚC 6B. Nếu đảm bảo an toàn và hiệu quả, sử dụng xô chậu / phễu hứng / bồn chứa dầu tạm bằng nhựa hoặc kim loại màu và bơm phòng nổ để thu dầu tràn, dầu còn chứa trong các phương tiện chứa đựng đang tràn.
BUỚC 7A. Triển khai vây chặn xung quanh	BUỚC 7B. Triển khai vây chặn xung quanh

<p>khu vực xảy ra sự cố không cho dầu loang rộng. Sử dụng vật liệu thấm dầu để thấm hút lượng dầu tràn.</p>	<p>quanh khu vực xảy ra sự cố không cho dầu loang rộng. Sử dụng vật liệu thấm dầu để thấm hút lượng dầu tràn.</p>
<p><u>BUỚC 8A.</u> Làm sạch lượng dầu còn sót lại trên nền của Kho bằng vật liệu thấm dầu trên nền cứng hoặc cát. Dùng bàn chải cứng đảo qua lại đến khi sạch dầu.</p>	<p><u>BUỚC 8B.</u> Khi ĐVCQ, các cơ quan có thẩm quyền và đơn vị phối hợp có mặt tại hiện trường, Chỉ huy hiện trường báo cáo lại diễn biến sự cố, những công tác ứng phó ban đầu và lưu ý về địa hình, hệ thống mương rãnh của Kho. Bàn giao lại quyền chỉ huy cho người được ĐVCQ hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ định. Phối hợp chặt chẽ trong toàn bộ quá trình ứng phó khẩn cấp, khắc phục ô nhiễm môi trường.</p>
<p><u>BUỚC 9A.</u> Dùng vật liệu thấm dầu trên nền cứng để làm sạch tất cả các vị trí, chi tiết còn dính dầu như thành bể, miệng ống...</p>	<p><u>BUỚC 9B.</u> Thực hiện các thao tác làm sạch dầu tràn. Thu gom rác thải nhiễm dầu vào túi / thùng chứa CTNH và tập trung tại khu vực lưu chứa CTNH của Kho.</p>
<p><u>BUỚC 10A.</u> Thu gom rác thải nhiễm dầu vào túi / thùng chứa CTNH và tập trung tại khu vực lưu chứa CTNH của Kho.</p>	<p><u>BUỚC 10B.</u> Tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu, hướng dẫn từ các cơ quan quản lý và đơn vị có chuyên môn trong công tác ứng phó, khắc phục SCTD.</p>

(Nguồn: Công ty Xăng Dầu Phú Khánh)

*** Ứng phó tràn dầu ra mặt nước:**

Bước 1: Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố

Ngay sau khi sự cố xảy ra, thuyền trưởng nhanh chóng phát còi cảnh báo và thông báo sự cố cho nhân viên trên tàu.

- Hành động của tàu thực hiện ứng cứu khẩn cấp:

- + Phối hợp nhân viên Kho neo đậu tàu cố định vào vị trí neo;
- + Kích hoạt các bước ứng phó trong SOPEP đã được phê duyệt của tàu: Thông báo báo động; Nhanh chóng tìm cách ngắt nguồn tràn dầu; Khẩn trương khởi động hệ thống

PCCC trên tàu để sẵn sàng thực hiện công tác chữa cháy khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra; Tìm cách khắc phục và UPSC.

- Hành động của phía Cảng

+ Nhân viên tại Cảng ngay khi phát hiện sự cố lập tức thông báo dừng tất cả các hoạt động tại Cảng. Sơ tán toàn bộ những người không phận sự ra khỏi khu vực sự cố. Sau đó dùng điện thoại gọi báo cáo khẩn cấp đến Trưởng Kho về tình hình sự cố và xin ý kiến chỉ đạo. Đồng thời thực hiện các hành động ứng cứu khẩn cấp tại Cảng.

+ Bảo vệ ngay lập tức báo động khẩn cấp toàn bộ Kho về sự cố.

+ Cử người phối hợp với thuyền viên trên tàu để neo đậu tàu cố định vị trí neo, tránh trường hợp tàu trôi tự do dẫn đến các sự cố khác phát sinh.

+ Thông báo đến lực lượng đội ứng phó sự cố tràn dầu của Kho nhanh chóng vận chuyển trang thiết bị & vật tư ứng phó khẩn trương di chuyển đến hiện trường xảy ra sự cố để thực hiện công tác ứng phó khẩn cấp ban đầu.

+ Kích hoạt sẵn sàng hệ thống cứu hỏa trên tàu để phòng cháy nổ.

+ Báo cáo Lãnh đạo Công ty về tình hình sự cố, các bước đã thực hiện và yêu cầu báo cáo các cơ quan chức năng và chi viện.

- BCH xử lý thông tin, báo cáo và thông tin về sự cố: Sau khi nhận được thông tin về sự cố, BCH Công ty nhanh chóng xác minh tính xác thực của thông báo, sau đó triển khai đồng thời các hành động sau:

+ Chỉ huy các tổ/đội ứng phó khẩn trương có mặt tại hiện sự cố theo kế hoạch;

+ Thông báo cáo ngay cho đơn vị ứng phó (nếu có) để yêu cầu chi viện.

+ Xác định sự cố ở quy mô cấp cơ sở tự ứng phó, BCH Công ty báo cáo thông tin sự cố đến các cơ quan chức năng để nắm bắt tình hình sự cố như: Văn phòng thường trực BCH PCTT& TKCN tỉnh, Sở TN&MT, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH-Công an tỉnh,...

+ Thông báo ngay với đơn vị bảo hiểm để có mặt ghi nhận các chi phí phát sinh, thiệt hại và bồi thường trong suốt quá trình triển khai ứng phó.

Bước 2: Vận hành cơ chế hợp và thiết lập Ban chỉ huy ứng phó sự cố

Sau khi tiếp nhận thông tin sự cố, lãnh đạo Công ty xác định sự cố xảy ra trong khu vực Kho phải chịu trách nhiệm xử lý các sự cố có liên quan, sau đó sẽ truy thu từ các đơn

vị, cá nhân có liên quan đến việc gây sự cố sau khi kết thúc công tác ứng phó. Đồng thời, xác định quy mô sự cố cấp cơ sở, Công ty và đơn vị ứng phối hợp ứng phó có thể tự ứng phó được.

Lãnh đạo Công ty đã họp và quyết định giao quyền chỉ huy hiện trường sự cố lại cho đơn vị phối hợp ứng phó thành lập các tổ/đội để triển khai ứng phó sự cố với thành phần và nhiệm vụ được phân công như sau:

- Đội 1: Lực lượng hậu cần trên bờ;
- Đội 2: Lực lượng UPSCTD;
- Đội 3: Lực lượng PCCC&CNCH;
- Đội 4: Lực lượng Bảo vệ hiện trường;
- Đội 5: Lực lượng y tế.

Bước 3: Tổ chức lực lượng ứng phó sự cố

Cần lưu ý đảm bảo các điều kiện an toàn trước khi triển khai như: trang thiết bị bảo hộ, điểm danh quân số, tuân thủ các quy trình an toàn trong ứng phó. Các đội thực hiện các công tác lần lượt như sau:

- Đội 1: Lực lượng hậu cần trên bờ: Thực hiện công tác kiểm đếm và cung ứng các trang thiết bị vật tư chuyên dụng ứng phó, tiếp nhận cấp phát. Phối hợp Đội 2 triển khai phao quây chuyên dụng đặt tại vị trí bên cảng để quây chặn, cô lập lượng dầu tràn đổ ra môi trường. Thời gian triển khai khoảng 5-10 phút. Dầu tràn lan ra trong khu vực bên nước khoảng 10m³. Phao quây có tổng độ dài là 480m.

- Đội 2: Lực lượng UPSCTD (tổ tàu ứng phó và tổ xuồng hơi cảnh báo, hỗ trợ ứng phó):

+ Tổ tàu ứng phó: Triển khai công tác chuyên môn trong ứng phó sự cố tràn dầu được phân công (thu hồi dầu tràn, thu gom các chất thải rắn nhiễm dầu trên sông, sau đó tập kết về khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, làm sạch và xử lý ô nhiễm khu vực xung quanh (nếu có).

+ Tổ xuồng hơi: Bật cảnh báo, phát tín hiệu thông báo đến các phương tiện đang lưu thông qua lại khu vực xảy ra sự cố, đề nghị các phương tiện tránh xa khu vực sự cố bán kính 200m. Đồng thời, hỗ trợ tổ tàu ứng phó trong công tác ứng phó khi cần thiết.

- **Đội 3:** Lực lượng PCCC&CNCH: Sẵn sàng các phương tiện, trang thiết bị PCCC để ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra ở hiện trường sự cố. Sẵn sàng cứu hộ cứu nạn trong suốt quá trình ứng phó sự cố tràn dầu.

- **Đội 4:** Lực lượng Bảo vệ hiện trường: triển khai phong tỏa, căng dây cảnh báo sự cố, bảo vệ khu vực hiện trường sự cố không để người không phận sự xâm nhập khu vực Cảng. Đồng thời, hướng dẫn điều độ phương tiện xe chuyên dụng ra vào đúng hướng và đỗ đúng vị trí.

- **Đội 5:** Lực lượng y tế: Sơ cứu người bị thương và chuyển đến bệnh viện gần nhất để chữa trị, sẵn sàng trang thiết bị, vật tư y tế để cứu hộ cứu nạn, sơ cứu người bị thương trong quá trình ứng phó và liên hệ chuyển người bị thương đến bệnh viện gần nhất khi có người bị thương nặng cần cấp cứu.

Sau khi kết thúc công tác UPSCTD, tiến hành tổ chức khắc phục hậu quả sau sự cố.

3.5.3 Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

❖ Phòng ngừa hỏa hoạn, cháy nổ

- Thực hiện nghiêm túc các quy định phòng cháy chữa cháy. Tuân thủ thiết kế kỹ thuật và thường xuyên kiểm tra các thiết bị PCCC.

- Mọi cán bộ công nhân viên phải tích cực đề phòng không để nạn cháy xảy ra đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng phương tiện chữa cháy kịp thời, hiệu quả.

- Cấm sử dụng lửa, hút thuốc trong kho xăng dầu.

- Cấm câu móc, sử dụng điện tùy tiện, phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kỹ thuật an toàn trong sử điện.

- Tàu vận chuyên nhiên liệu tuân theo quy định trong vận chuyển hàng hải, vận chuyên nhiên liệu trong bồn kín và có biện pháp khắc phục không để rò rỉ xăng dầu trong quá trình vận chuyên.

- Thường xuyên tập huấn, diễn tập PCCC.

- Quản lý tốt quy trình xuất nhập hàng tránh rò rỉ nhiên liệu là tác nhân gây cháy nổ, hỏa hoạn.

❖ Ứng phó hỏa hoạn, cháy nổ

Khi có sự cố xảy ra cháy kế hoạch triển khai chữa cháy được thực hiện như sau :

*** Nhiệm vụ của lực lượng tại chỗ**

- Khi xảy ra cháy người đầu tiên phát hiện cháy nhanh chóng báo động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên đang làm việc tại kho bằng keng hoặc còi báo động.

- Nhanh chóng báo cho lãnh đạo kho biết để tổ chức chữa cháy ban đầu bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ.

- Lãnh đạo kho chỉ huy triển khai các tổ chức cứu chữa như sau:

Tổ thông tin: 01 nhân viên

- Nhanh chóng báo động cháy, điện thoại cho đội bảo vệ PCCC.

- Gọi điện cho đội chữa cháy chuyên nghiệp.

- Báo cáo Lãnh đạo Công ty.

Tổ chữa cháy: 10 nhân viên

- Nhanh chóng triển khai đội hình chữa cháy bằng xe và các họng nước tại chỗ.

- 01 xe chữa cháy triển khai tại kho phun bọt trực tiếp vào ngọn lửa.

- 02 nhân viên triển khai các họng nước chữa cháy tại chỗ phun nước làm mát cho các khu vực xung quanh như mô tơ bơm, các bể lân cận và chống cháy lan.

- 01 nhân viên đóng van cấp xăng dầu tại cụm van trạm bơm và lên giàn cấp phát.

Tổ bảo vệ : 04 nhân viên nhanh chóng triển khai đội hình, cắt cầu dao điện toàn bộ khu vực, tổ bảo vệ chia làm 02 bộ phận.

- Bộ phận thứ nhất : triển khai ở bên trong kho có nhiệm vụ mở rộng cửa kho hướng dẫn cho các xe và máy bơm lấy nước ở bể và giếng. Bảo vệ các khu vực trọng điểm trong kho, chỉ huy các xe trong kho nhanh chóng rời khỏi kho xăng dầu.

- Bộ phận thứ hai : bảo vệ không cho mọi đối tượng không có nhiệm vụ vào kho đồng thời hướng dẫn các xe chữa cháy của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp và xe chữa cháy của các đơn vị khác đến chỉ viện vào kho xăng dầu.

- Kiểm tra chặt chẽ các lực lượng phương tiện ngăn chặn kẻ xấu lợi dụng lấy cắp tài sản.

Tổ cứu thương : 03 nhân viên

- Nhanh chóng tổ chức đưa người bị nạn ra khỏi khu vực cháy đưa đi cấp cứu.

Tổ cứu dỡ tài sản : 06 nhân viên

- Nhanh chóng di chuyển vật chất trang thiết bị và các phương tiện dễ cháy gần khu vực cháy ra vị trí an toàn.

Công tác chỉ huy chữa cháy:

- Khi lực lượng chuyên nghiệp đến đồng chí phụ trách chỉ huy báo cháy của đơn vị báo cáo tình hình cháy cho đồng chí chỉ huy lực lượng chuyên nghiệp.

- Quyền chỉ huy thuộc đồng chí chỉ huy đội chữa cháy chuyên nghiệp, đồng chí chỉ huy chữa cháy cơ sở tham gia ban chỉ huy chữa cháy trực tiếp chỉ huy lực lượng của đơn vị

mình.

*** Nhiệm vụ cụ thể của lực lượng chuyên nghiệp**

- Nhận tin báo cháy chính xác.
- Xuất 4 xe cùng cán bộ chiến sỹ đến đám cháy nhanh chóng và an toàn.
- Điện thoại cho các lực lượng khác đến chi viện.
- Nghe chỉ huy lực lượng tại chỗ báo cáo tình hình chữa cháy ban đầu và triển khai đội hình cứu chữa cháy cơ sở tham gia ban chỉ huy chữa cháy trực tiếp chỉ huy lực lượng của đơn vị mình.

- Khi đám cháy được dập tắt tổ chức bảo vệ hiện trường để phục vụ điều tra nguyên nhân vụ cháy.

3.5.4 Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố va đụng, chìm tàu tại khu vực cảng tiếp nhận

❖ Phòng ngừa sự cố va đụng, chìm tàu tại khu vực cảng tiếp nhận

- Nghiêm cấm các tàu không chở quá tải trọng cho phép, không được chạy quá tốc độ quy định, khi đang lưu thông và cập bến.

- Bố trí tàu thuyền lưu thông ra vào hợp lý, khoa học.

- Thường xuyên tập huấn cho các thủy thủ về nội quy, quy định khi chuyên chở lưu thông đường thủy và cách ứng cứu khi sự cố xảy ra.

- Trong trường hợp sự cố xảy ra, cần ứng cứu kịp thời và báo cáo cho các ban ngành liên quan để cùng có kế sách khắc phục và giảm thiểu các thiệt hại về nhân mạng, tài sản và ô nhiễm môi trường.

- Bố trí sẵn phao và lưới vây dầu sẵn sàng ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

3.5.5 Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố mưa bão, sấm sét

❖ Phòng ngừa sự cố mưa bão, sấm sét

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết.

- Bố trí trên mái bể kim thu lôi để chống sét dẫn qua thành bể xuống hệ thống tiếp địa dưới đáy bể. Tiếp địa cho hệ thống chống sét hệ thống cọc tiếp địa và sự liên kết phù hợp với bộ tiêu chuẩn thiết kế quốc gia

3.6 Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

3.6.1 Khí thải của máy phát điện

Nhằm không chế và giảm thiểu các tác động xấu gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn từ

máy phát điện áp dụng một số biện pháp sau:

- Lựa chọn máy phát điện loại tốt của Nhà sản xuất uy tín, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng để khí thải đạt tiêu chuẩn cho phép.
- Máy phát điện được đặt nơi có kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, mái tole, gắn cửa ra vào, gắn biển cảnh báo, nằm cách xa khu vực văn phòng, khu vực khám chữa bệnh.
- Máy phát điện phải được lắp đặt chắc chắn và được đặt trên bệ máy cao tối thiểu là 100 mm so với sàn phòng máy. Ống xả khói phải xả lên phía trên của phòng máy và chống nước mưa hắt vào hệ thống ống xả này.
- Chỉ sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm các chất gây ô nhiễm khí thải trong quá trình đốt nhiên liệu;
- Ống khói máy phát điện được bố trí hướng ra môi trường bên ngoài và không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh; ống khói cao 6m so với mặt đất, đường kính 0,2 m, được làm bằng thép, có mũ chụp trên miệng ống khói để che mưa chảy vào.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng.

3.6.2 Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện vận chuyển của cán bộ, công nhân viên, phương tiện vận chuyển xăng dầu. Nồng độ chất gây ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển này thấp (phương tiện vận chuyển này không lưu thông liên tục và thường xuyên), xung quanh cơ sở có trồng các cây xanh nên tác động đến môi trường không khí là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở đầu tư áp dụng các biện pháp sau để hạn chế ô nhiễm như sau:

- + Yêu cầu cán bộ công nhân viên định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện vận chuyển đảm bảo hoạt động trong tình trạng tốt hạn chế phát sinh bụi, khí thải.
- + Tắt các phương tiện vận chuyển khi ra vào khuôn viên cơ sở, không để động cơ chạy không tải trong khu vực cơ sở.

3.6.3 Mùi hôi từ khu vực khu vực tập kết chất thải rắn

Nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn thì cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- + Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy

hại: bố trí khu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại được bố trí trong nhà kho riêng biệt có tường, có mái che. Khu vực xây dựng nằm cách xa các khối nhà sản xuất. Khu vực này được thu dọn vệ sinh mỗi ngày, nên tác động ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ, công nhân viên và người dân xung quanh là không đáng kể.

+ Bên cạnh đó, cơ sở bố trí thùng chứa rác, đối với các thùng rác được trang bị bọc đựng cho từng thùng.

3.6.4 Biện pháp giảm sự bay hơi từ xăng dầu

❖ Đối với hệ thống đường ống dẫn

- Để làm giảm sự bay hơi của xăng dầu, đối với hệ thống khoang chứa và bể chứa cùng hệ thống đường ống nhập dầu, tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Bể chứa luôn luôn ở trong tình trạng kín.

+ Các bể chứa xăng dầu với độ cao từ 10 -15m được đầu tư hệ thống tự động đo mức để theo dõi số lượng và nhiệt độ bình quân của nhiên liệu chứa trong bể; giám sát mức chứa, theo dõi cảnh báo tràn trong quá trình nhập, theo dõi và cảnh báo mức chứa trong quá trình xuất.

+ Trang bị các phao kim loại nổi trong các bể chứa dầu nhằm giảm thiểu khả năng bay hơi xăng dầu.

+ Tồn chứa các sản phẩm xăng dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể, vì nếu giảm thể tích khoảng trống chứa hơi của bể thì lượng xăng dầu bay hơi sẽ giảm.

+ Các bể chứa sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm soát và chống nóng: hệ thống đo nhiệt độ, hệ thống phun nước tưới mát thân bể chứa, sử dụng sơn cao cấp phản xạ nhiệt để chống nóng.

+ Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rót nhiên liệu sẽ sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu.

+ Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở có bình ngăn tia lửa có thông số kỹ thuật phù hợp với công suất bơm chuyển để hạn chế tối đa lượng xăng dầu bay hơi vào không khí.

- Để giảm hiện tượng rò rỉ, Kho áp dụng các biện pháp:

+ Chống ăn mòn cho các công trình: đường ống công nghệ trong khu vực tại bể thép, đường ống ngầm nhập xuất nhiên liệu.

+ Kiểm tra thường xuyên hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò

rỉ hoặc hỏng hóc. Đặc biệt lưu ý các mối hàn giữa đáy và thành khoang, bể, gioăng đệm lót kín trong các trạm bơm, hố van...

+ Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các tấm thép thành bể chứa có dầu ngấm loang từ dưới nền bể, dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì ngưng ngay việc nhập thêm dầu mới, xuất hết dầu cũ hoặc chuyển qua bể khác càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới.

+ Đai ốp sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bo kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

+ Khi phát hiện rò rỉ ở các đáy bể chứa đầy sản phẩm thì phải lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bể để sửa chữa.

+ Trường hợp có sự cố tại các van dầu hoặc van chặn thì phải ngưng bơm để xử lý ngay lập tức.

+ Đảm bảo thông tin chặt chẽ giữa các bộ phận và các nhân viên trong quá trình nhập xăng dầu vào bồn chứa. Phải thông báo kịp thời khi thấy hiện tượng tăng áp suất bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống, hiện tượng giảm áp suất bất thường để kiểm tra phát hiện rò rỉ.

- Cải tiến, đầu tư mới trong quá trình hoạt động. Biện pháp cải tiến, đầu tư mới công nghệ trong quá trình hoạt động là đầu tư chiều sâu hệ thống đường ống chính dẫn dầu, hiện đại công nghệ xuất nhập xăng dầu. Đây là một biện pháp cơ bản vì cho hiệu quả cao nhất trong loại trừ, giảm thiểu được các chất độc hại thải ra môi trường bên ngoài.

❖ Đối với quá trình vận hành xuất nhập hàng

Khi xuất hay nhập xăng dầu, tuân theo một số quy định sau nhằm giảm thiểu sự bay hơi hydrocacbon, cụ thể:

- Quá trình nhập và xuất xăng dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm vòi xuất nhập, đầu vào của bơm phải luôn nằm ở dưới bề mặt chất lỏng.

- Trong quá trình nhập vào các xitec, rút ngắn thời gian nhập. Số lần bơm chuyển trong nội bộ kho giảm đến mức tối thiểu.

- Hạn chế rủi ro nhập dầu ở cảng bằng cách dùng ống mềm chuyển dầu từ tàu sang đường ống và chuyển dầu về các bể chứa bằng cách:

+ Đặt van một chiều cố định ở dưới đất tại điểm nối ống cứng, ống mềm và bích cố định. Tác dụng của van một chiều là ngăn không cho dầu chảy từ ống cứng ra ngoài khi có

sự cố ống mềm.

- + Khi có sự cố ống mềm phải đóng chặt ngay van trên tàu dầu lại.
- + Khi không nhập dầu, đầu ống mềm nối với tàu được bịt bằng mặt bích.

Hạn chế tối đa việc súc rửa bồn chứa khi thay đổi loại sản phẩm chứa trong bồn. Để thực hiện được điều này, có kế hoạch nhập dầu một cách hợp lý, tránh nhập dồn cùng một lúc gây tình trạng thiếu bồn chứa, phải súc rửa bồn chứa khi chứa các chủng loại xăng dầu khác.

Hệ thống tự động hoá được tích hợp thành một hệ thống điều khiển hoàn chỉnh, tập trung thành Trung tâm điều khiển và giám sát chung.

3.7 Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Các nội dung so với phê duyệt đánh giá quyết định đánh giá tác động môi trường đã được cấp:

Bảng 3.6: Các nội dung thay đổi so với quyết định đánh giá tác động môi trường đã được cấp

TT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước của thành phố Nha Trang	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ sẽ được lưu chứa tại bể tự hoại 3 ngăn trám đáy và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ

Giải trình về sự thay đổi

- Hiện tại, hệ thống thoát nước tại khu vực chưa thu gom nước thải vào hệ thống chung của thành phố để đưa về nhà máy xử lý nước thải phía Nam theo công văn số 694/DVCI-KHKT và 696/DVCI-KHKT ngày 29/07/2024, nên nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ sẽ được lưu chứa tại bể tự hoại 3 ngăn trám đáy và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ, không xả thải ra môi trường. Cơ sở cam kết, khi khu vực có tuyến thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Nha Trang cơ sở sẽ tiến hành làm hồ sơ xin phép đầu nối.

CHƯƠNG 4

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

❖ **Các nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên phát sinh từ khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động đuổi dầu trong đường ống khi nhập dầu.
- Nguồn số 3: nước thải nhiễm dầu phát sinh từ nước mưa 15 phút đầu trong các khu bể, khu cấp phát chảy ra.
- Nguồn số 4: nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động súc rửa bồn .

❖ Nước thải nhiễm xăng dầu sau khi xử lý sẽ được bơm vào 2 bể chứa A04, A05 có tổng thể tích 200m³, sau đó tái sử dụng để đuổi dầu trong đường ống, không xả thải ra môi trường.

❖ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua 2 bể tự hoại 3 ngăn trảm đáy có tổng thể tích 90 m³ sẽ được lưu chứa tại bể và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

❖ **Nguồn phát sinh**

Nguồn phát sinh từ các thiết bị máy móc khu vực cấp phát xăng dầu.

❖ **Giá trị giới hạn với tiếng ồn, độ rung**

+ Đối với tiếng ồn: giới hạn tối đa theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

STT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ
1	Khu vực thông thường	70 (dBA)

+ Đối với độ rung: giới hạn tối đa theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

STT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ
1	Khu vực thông thường	70 (dB)

4.4 Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

a. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải vét bể	19 07 01	5.000
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	17 05 02	8.000
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm dầu	18 02 01	10
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	70
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	200
6	Bóng đèn led, thiết bị điện tử thải	16 01 13	10
7	Hộp chứa mực in	08 02 04	5
8	Pin thải	16 01 12	5
TỔNG			13.300

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 5,5 tấn/ năm.

b. Việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

(1) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

* Thiết bị lưu chứa: gồm có 4 thùng chứa có nắp có dung tích 120l, 2 thùng tôn 500 lít được chia làm 4 ngăn riêng, tất cả đều được dán tên, mã chất thải riêng biệt.

* Kho lưu chứa trong nhà:

Kho A: có diện tích 5m² (D×R = 2,5m × 2m), tường bằng tôn, mặt sàn tráng xi măng, có cửa ra vào, mái che bằng tôn, có biển tên, biển báo.

Kho B: có diện tích 4,6m² (D×R = 2,3m × 2m), tường bằng tôn, mặt sàn tráng xi măng, có cửa ra vào, mái che bằng tôn, có gờ bao quanh kho bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài, có biển tên, biển báo.

Đối với bùn thải: mỗi kho bố trí 01 hố chứa bùn thải xi măng tráng đáy có nắp đậy, thể tích 8 m^3 (kích thước hố tại Kho A: $D \times R \times C = 2,8 \times 2,1 \times 1,4 \text{ m}$ và Kho B: $D \times R \times C = 2,8 \times 2 \times 1,4 \text{ m}$) và sân phơi bùn $17,28 \text{ m}^3$ đặt tại Kho A ($D \times R = 12 \text{ m} \times 3,6 \text{ m}$) kết cấu bằng bê tông chống thấm, có thành cao $0,4 \text{ m}$.

(2) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

* Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy với dung tích mỗi thùng 60 lít được dán nhãn bên ngoài.

* Khu vực chứa lưu chứa: 2 khu tập kết có diện tích 1 m^2 ($D \times R = 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$) có nền xi măng, có mái che bằng tôn.

Chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại sau khi lưu giữ có hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

CHƯƠNG 5

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

a. Thời gian quan trắc nước thải:

- Thời gian thực hiện quan trắc năm: 2022, 2023, tần suất 4 lần/năm.

b. Danh mục thông số quan trắc

Bảng 5.1: Danh mục thông số quan trắc

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Vị trí quan trắc
1	pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/BTNMT ; (Cột B, Kho)	Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải kho A; kho B

c. Kết quả quan trắc nước thải

Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Stt	Thông số quan trắc	Q1/2022 (25/03/2022)	Q2/2022 (10/05/2022)	Q3/2022 (30/08/2022)	Q4/2022 (25/10/2022)	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
Kết quả quan trắc nước thải Kho A						
1	pH	7,19	6,84	6,72	6,01	5,5 – 9
2	COD	45	46	31	38	100
3	TSS	19	22	13	23	100
4	Dầu mỡ khoáng	2,8	3,9	1,8	3,4	10
Kết quả quan trắc nước thải Kho B						
1	pH	7,33	6,73	6,69	6,12	5,5 – 9
2	COD	39	40	38	23	100
3	TSS	16	14	9	36	100

4	Dầu mỡ khoáng	2,3	2,3	2,3	3,9	10
---	---------------	-----	-----	-----	-----	-----------

(Nguồn: Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên – Công ty Xăng dầu Phú Khánh năm 2022)

Bảng 5.3: Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Stt	Thông số quan trắc	Q1/2023 (14/03/2023)	Q2/2023 (12/05/2023)	Q3/2023 (31/07/2023)	Q4/2023 (20/10/2023)	QCVN 29:2010/BTNMT Cột B, Kho
Kết quả quan trắc nước thải Kho A						
1	pH	6,42	6,89	6,47	6,85	5,5 – 9
2	COD	24	21	28	30	100
3	TSS	33	24	20	25	100
4	Dầu mỡ khoáng	5,9	4,1	3,5	4,1	10
Kết quả quan trắc nước thải Kho B						
1	pH	6,96	6,56	6,47	6,01	5,5 – 9
2	COD	80	39	32	25	100
3	TSS	24	17	13	12	100
4	Dầu mỡ khoáng	3,0	3,8	2,5	2,9	10

(Nguồn: Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên – Công ty Xăng dầu Phú Khánh năm 2023)

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý Cơ sở đều đạt Cột B áp với cho kho xăng dầu, QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

5.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước biển ven bờ

a. Thời gian quan trắc nước biển ven bờ

- Thời gian thực hiện quan trắc năm: 2022, 2023, 2 lần/năm .

b. Danh mục thông số quan trắc

Bảng 5.4: Danh mục thông số quan trắc

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Vị trí quan trắc
1	pH, Dầu mỡ khoáng, Chất rắn lơ lửng, hàm lượng chì	Cột các nơi khác QCVN 10: 2023/BTNMT	Nước biển ven bờ tại Cảng dầu Mũi Chụt

c. Kết quả quan trắc nước biển ven bờ

Bảng 5.5: Kết quả quan trắc nước biển ven bờ năm 2022

Stt	Thông số quan trắc	Q2/2022 (10/05/2022)	Q4/2022 (25/10/2022)	QCVN 10:2023/BTNMT Chất lượng nước biển gần bờ
1	pH	7,88	6,95	6,5 – 8,5
2	Chất rắn lơ lửng	8	12	-
3	Dầu mỡ khoáng	KPH	0,4	5
4	Hàm lượng chì	KPH	0,028	0,05

(Nguồn: Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên – Công ty Xăng dầu Phú Khánh năm 2022)

Bảng 5.6: Kết quả quan trắc nước biển ven bờ 2023

Stt	Thông số quan trắc	Q2/2023 (21/05/2023)	Q4/2023 (20/10/2023)	QCVN 10:2023/BTNMT Chất lượng nước biển gần bờ
1	pH	6,67	6,96	6,5 – 8,5
2	Chất rắn lơ lửng	13	12	-
3	Dầu mỡ khoáng	KPH	KPH	5
4	Hàm lượng chì	KPH	KPH	0,05

(Nguồn: Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên – Công ty Xăng dầu Phú Khánh năm 2023)

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tại Cảng dầu Mũi Chụt

5.3 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Kho xăng dầu Vĩnh Nguyên và Cảng dầu Mũi Chọt có 2 hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu tại kho A và kho B có công suất 360m³/ngày.đêm sẽ vận hành thử nghiệm theo kế hoạch sau:

a. Đối với nước thải

Kế hoạch quan trắc chất thải, dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải bao gồm vị trí, số lượng mẫu và tần suất giám sát được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 45 ngày (sau khi có giấy phép môi trường).

Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: 100%. Nước thải sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, Kho).

b. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, chủ cơ sở xây dựng kế hoạch quan trắc mẫu, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải dự án bao gồm vị trí, thông số, số lượng mẫu và tần suất giám sát được trình bày tóm tắt như sau:

Bảng 6.1: Nội dung quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý

STT	Công đoạn	Vị trí lấy mẫu nước thải	Số mẫu	Tần suất	Chỉ tiêu phân	Tiêu chuẩn
1	Nước thải trước xử lý	Tại đầu vào của HTXL nước thải kho A, B	02 mẫu đơn	01 ngày bất kỳ	pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, Kho).
2	Nước thải sau xử lý	Tại vị trí đầu ra của HTXL nước thải kho A, B	06 mẫu đơn	03 ngày liên tiếp		
Tổng số mẫu			08 mẫu đơn			

c. Đơn vị thực hiện lấy và phân tích mẫu

- Tên cơ quan: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Khánh Hòa
- Địa chỉ liên hệ: 37 Hùng Vương, P. Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa.
- Mã VIMCERTS: 107 (Theo Giấy Chứng nhận số: 49/GCN-BTNMT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện

hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường). Đối với các chỉ tiêu Trung tâm không đủ hoặc không có năng lực thực hiện thì nhà thầu phụ có đủ năng lực của của Trung tâm thực hiện.

6.2 Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý và giám sát chất lượng môi trường xung quanh cơ sở, chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc định kỳ cụ thể như sau:

a. Đối với nước thải:

- Thông số giám sát: pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng.
- Tần suất: 01 lần/năm.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải kho A; kho B).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, Kho).

b. Đối với nước biển ven bờ

- Thông số giám sát: pH, Dầu mỡ khoáng, Chất rắn lơ lửng, hàm lượng chì.
- Tần suất: 01 lần/năm.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước biển ven bờ tại Cảng dầu Mũi Chụt.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - Chất lượng nước biển gần bờ (Bảng 3).

c. Đối với khí thải: Không có

6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Chủ cơ sở sẽ dành một khoản kinh phí cho công tác thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

Kinh phí giám sát được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 6.2: Kinh phí quan trắc nước thải định kỳ

Stt	Nội dung quan trắc	Số lượng (mẫu/ lần)	Tần suất lấy mẫu	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Nước thải	2	2	2.000.000	4.000.000
2	Nước biển gần bờ	1	1	800.000	800.000
3	Công lấy mẫu, đi lại, báo cáo	1	2	2.000.000	4.000.000
Tổng cộng					8.800.000

CHƯƠNG 7

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2023, cơ sở đã được kiểm tra, thanh tra về việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Quyết định số 516/QĐ-STNMT ngày 23/08/2023, nội dung chi tiết các lần thanh tra như sau:

Bảng 7.1: Nội dung kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Ngày kiểm tra/ thanh tra	Nội dung kiểm tra/ thanh tra	Cơ quan chủ trì	Nội dung yêu cầu hoàn thiện/ bổ sung/ khắc phục	Kết quả thực hiện
25/9/2023	Chấp hành pháp luật về lĩnh vực biển và hải đảo	Sở tài nguyên và môi trường – Chi cục biển và hải đảo	Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó tràn dầu tại Kho Vĩnh Nguyên hoặc Ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu tại Kho Vĩnh Nguyên với các cơ quan, đơn vị có năng lực ứng phó.	Cảng dầu Mũi Chẹt và Kho A, B Vĩnh Nguyên đã được trang bị trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu gồm: phao quay, máy bơm hút dầu tràn, bồn chứa dầu tràn, giấy thấm dầu, bộ Kit ứng phó sự cố tràn dầu... đặt tại khu vực có nguy cơ tràn dầu. Công ty đã thực hiện thủ tục ký cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho Kho - Cảng xăng dầu Vĩnh Nguyên với Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam. Trong quá trình thực hiện cập nhật Kế hoạch,

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho “Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên”

				đơn vị tư vấn sẽ tính toán số lượng trang thiết bị phù hợp cho Kho Xăng dầu Vĩnh Nguyên, nếu cần thiết Công ty sẽ trang bị thêm để đảm bảo công tác ứng phó sự cố tràn dầu tại đơn vị.
--	--	--	--	--

Đính kèm: Bản photo các biên bản kiểm tra/ thanh tra được lập giữa các cơ quan chức năng và cơ sở.

CHƯƠNG 8

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết thực hiện các quy định bảo vệ môi trường như sau:

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện trách nhiệm theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020 và các quy định pháp luật khác về bảo vệ môi trường có liên quan sau khi Giấy phép môi trường được cấp. Chủ Cơ sở cam kết sẽ không gây bất kỳ hoạt động nào khác có khả năng dẫn đến ô nhiễm các thành phần môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật và không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế, xã hội tại địa phương.

- Cam kết những thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là chính xác, trung thực.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo.

- Cam kết xử lý các chất thải do hoạt động của Cơ sở khi thải ra môi trường đảm bảo các quy chuẩn hiện hành, cụ thể:

+ Nước thải nhiễm dầu đảm bảo sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B, Kho).

+ Nước thải sinh hoạt đảm bảo sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B (K=1).

+Cam kết thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất, chất thải nguy hại theo quy định.

- Cam kết đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom chung của thành phố để đưa về nhà máy xử lý nước thải phía Nam khi có chủ trương đầu nối tại khu vực.

- Cam kết định kỳ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

- Cam kết phòng chống cháy nổ, chống sự cố tràn dầu trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở.

- Cam kết đảm bảo kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường; cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra.

- Cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết phát sinh trong quá trình hoạt động như: an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông khu vực cơ sở và khu vực lân cận.

PHỤ LỤC BÁO CÁO